HOTEL SOLUTIONS.

GIẢI PHÁP CHO KHÁCH SẠN.

Edition 01

2018

www.hafele.com

HÄFELE - WHERE TRUST WAS BUILT FROM COMPETENCE.

HÄFELE - NƠI NĂNG LỰC XÂY NÊN NIỀM TIN.

Founded in Germany in 1923, Häfele is a world-renowned provider of smart home and project solutions. Häfele's superior range of products not only exemplifies German quality standards, but is developed with the philosophy of "functionality" and "easiness" in mind to offer reliable solutions for both professionals and consumers.

Since the establishment in Vietnam in 1998, Häfele has been continuously improving and expanding its products and services, making the key components of Vietnamese homes - door security as well as kitchen, wardrobe, and bathroom - much more efficient spaces.

With innovative solutions, an excellent delivery service, and a dedicated team, Häfele Vietnam looks to create more modern and optimal living spaces for Vietnamese in the future.

Được thành lập tại Đức vào năm 1923, Häfele là thương hiệu danh tiếng trên thế giới về giải pháp dự án và nhà ở thông minh. Không chỉ đạt tiêu chuẩn chất lượng uy tín của Đức, các dải sản phẩm cao cấp của Häfele còn được phát triển với triết lý "dễ dàng" và "công năng" để mang đến những giải pháp đáng tin cậy cho các chuyên gia lẫn người tiêu dùng.

Đến Việt Nam vào năm 1998, Häfele đã không ngừng phát triển, mở rộng sản phẩm và dịch vụ để giúp người Việt Nam cải thiện hơn nữa tính hiệu quả của những không gian quan trọng trong nhà mình, bao gồm bếp, tủ quần áo, phòng tắm và an ninh cửa.

Sở hữu các giải pháp tiên tiến, dịch vụ giao hàng xuất sắc cùng đội ngũ nhân viên tận tâm, Häfele Việt Nam kỳ vọng sẽ tạo thêm nhiều không gian sống hiện đại và tối ưu cho người Việt Nam trong tương lai.

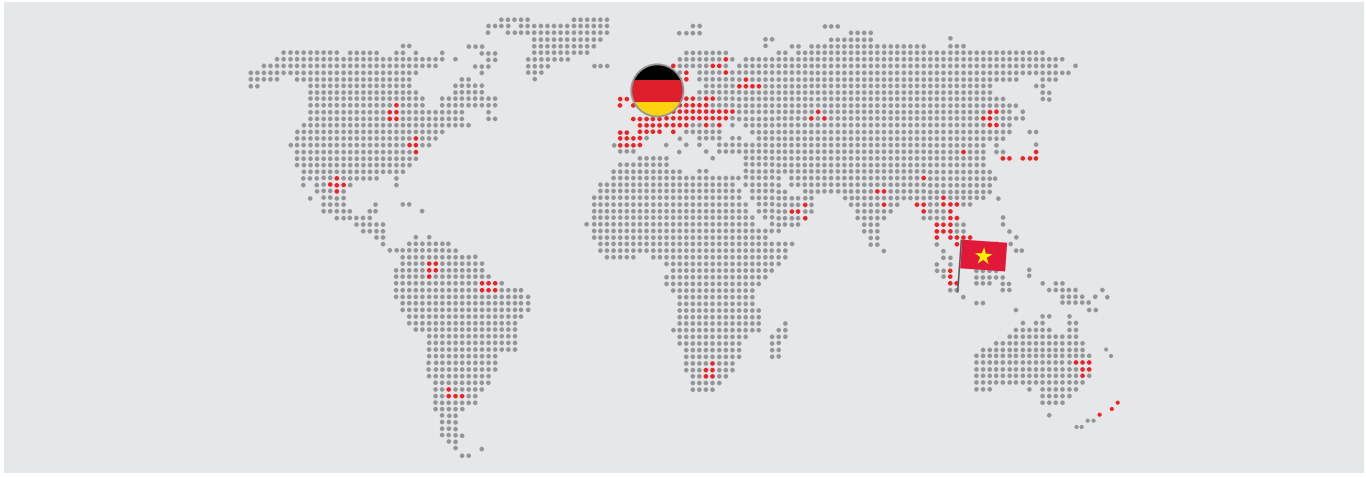

OUR ADVANTAGES ARE YOUR BENEFITS.

LỢI THẾ CỦA CHÚNG TÔI LÀ LỢI ÍCH CỦA BẠN.

With almost a century of experience and expertise knowledge, Häfele has been trusted by many famous architects, designers, contractors, and developers around the world, when it comes to smart home and project solutions. In Vietnam, Häfele has too established our name as a reliable solution provider among professionals across the sectors of architecture, furniture, and real estate.

Với kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn được tích lũy qua gần một thế kỷ, những giải pháp thông minh dành cho nhà ở và dự án của Häfele đã nhận được sự tín nhiệm của nhiều kiến trúc sư, nhà thiết kế, nhà thầu và nhà đầu tư nổi tiếng trên thế giới. Tại Việt Nam, Häfele hiện là nhà cung cấp giải pháp đáng tin cậy đối với các chuyên gia hoạt động ở khắp các lĩnh vực nội thất, kiến trúc và bất động sản.

DEUTSCHE QUALITÄT SEIT 1923

CHẤT LƯỢNG ĐỨC. TỪ NĂM 1923.

GERMAN QUALITY/ CHẤT LƯỢNG ĐỨC

Häfele's solutions are developed with german technologies and quality standards to be of the highest functionality, offering you easiness that will translate into efficiency.

Được phát triển bằng công nghệ của đức và theo tiêu chuẩn chất lượng đức, các giải pháp của Häfele mang tính năng cao vượt trội để mang đến cho bạn sự dễ dàng và hiệu quả.

AVAILABLE FROM STOCK/ CÓ HÀNG GIAO NGAY

As Häfele boasts large distribution centers around Vietnam, almost everything you need is ready for order.

Sở hữu các trung tâm phân phối rộng khắp Việt Nam, chúng tôi luôn có sẵn gần như tất cả những gì bạn cần.

FAST DELIVERY

FAST DELIVERY/ GIAO HÀNG NHANH CHÓNG

Door-to-door service. With speed.

Dịch vụ giao hàng tận nơi, nhanh chóng.

TAILOR-MADE SOLUTIONS/ GIẢI PHÁP ĐƯỢC THIẾT KẾ RIÊNG

Häfele's solutions come with huge customizability to be perfectly suited for every different need.

Nhờ khả năng tùy chỉnh to lớn, giải pháp của Häfele sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu khác nhau một cách đầy đủ và hiệu quả.

HOTEL CHAIN LISTINGS.

CÁC DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

CHAIN	
A & O HOTEL HOSTEL	A & O Hotels
FRAGRANCE GROUP LIMITED	Fragrance Group
IHG InterContinental Hotels Group	InterContintental Hotel Group
Kempinski HOTELIERS SINCE 1897	Kempinski Hotels
MEININGER	Meininger Hotels
STEIGENBERGER HOTELS AND RESORTS	Steigenberger Hotels
wombat's THE CITY HOSTEL - THE PLACE	Wombats Hostels

Hotel InterContinental, CH-Davos
Interior architecture | Architect: Oikios GmbH, D-Munich.
Operator: IHG InterContinental Hotels Group.

Falkensteiner Hotel Schladming, A-Schladming
Architect: Sepp Hohensinn, A-Graz.
Operator: FMTG - Falkensteiner Michaeler Tourism Group GmbH, A-Vienna.
Investor: Planai Hotel Errichtungs- und Betriebs GmbH, A-Schladming.

Steigenberger Hotel Bremen, D-Bremen
Architect: Eike Becker_Architekten, D-Berlin.
Operator: Steigenberger Hotel Group, D-Frankfurt a. M.
Investor: H. Siedentopf, D-Bremen.

Steigenberger Parkhotel, D-Braunschweig
Interior architecture | Architect: Seeger Müller Architekten, D-Berlin. Operator: arcona Management GmbH, D-Rostock.

PROJECT REFERENCES

CÁC DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

SOMERSET WEST POINT HANOI

Location: 2 Tay Ho – Hanoi
Category: Dialock & Architectural Hardware: DT700, access control systems, lever handle, door closer… for 360 apartments;
Developer: Golden Villas

SAIGON CENTER

Location: Ho Chi Minh City
Category: Dialock, elevator control and door control
Number of room: 195
Developer: Keppel Land

MONTGOMERIE LINKS

Location: Quang Nam
Category: DT700 SS
Developer: Montgomerie Links

ASCOTT WATERFRONT SAIGON
Location: Dist 1, HCMC
Category: Architectural Hardware
Developer: MIK

DREAM APART HOTEL
Location: Hanoi
Category: DT700 & SW300/100
Developer: Dream Apart
Number of room: 60

SEASHELLS HOTEL
Location: Phu Quoc - Vietnam
Category: DT700 & SW300/100
Number of room: 277
Developer: Tran Thai

SANCTUARY HO TRAM
Location: Ho Tram
Category: DT710 SS
Developer: Unicons

HÄFELE HOTEL LOCK RANGE

KHÓA ĐIỆN TỬ KHÁCH SẠN

Ideal for new buildings and renovation projects, Häfele helps increase comfort in hotels and resorts.

- **Advanced technologies:**
  Available in MIFARE, LEGIC and TAG-it ISO technology variants
- **Various integration:**
  Dialock can be integrated in existing card systems and different design solutions
- **Customized networking:**
  Dialock makes it possible to individually network different applications from small hotels to large resorts
- **Flexible application:**
  The components of the Dialock system are designed for many different applications and uses: standalone and online systems for special applications such as turnstiles, car park barriers and lobby areas.

Các sản phẩm khóa điện tử khách sạn của Häfele là lựa chọn tối ưu cho các dự án nâng cấp hoặc xây mới các tòa nhà, tạo thêm nhiều tiện nghi cho khách sạn và khu nghỉ dưỡng

> **Công nghệ tiên tiến**
Có thể sử dụng được cho các dòng thẻ từ cao cấp MIFARE, LEGIC và TAG-it ISO

> **Khả năng tích hợp đa dạng:**
Dialock có thể tích hợp dễ dàng và hiệu quả với các hệ thống thẻ sẵn có cũng như các thiết kế cửa khác nhau.

> **Có thể tùy chỉnh khả năng kết nối**
Dialock có thể tùy chỉnh linh hoạt để áp dụng cho nhiều quy mô dự án khác nhau, dù là khách sạn nhỏ hay các khu nghỉ dưỡng lớn.

> **Ứng dụng linh hoạt**
Các thành phần của hệ thống Dialock được thiết kế cho nhiều ứng dụng và mục đích sử dụng khác nhau : Ứng dụng độc lập và hệ thống quản lý trực tuyến cho các khu vực đặc biệt như cửa quay nhà ga, thanh chắn bãi đỗ xe và khu vực cửa tiền sảnh.

DIALOCK RANGE

CÁC DÒNG SẢN PHẨM KHÓA ĐIỆN TỬ DIALOCK.

TRANG 14

Dialock DT 700

> Robust standard fitting for interior doors.
> Indication for locking/unlocking and “Do not disturb” with LED.
> Material: Matt stainless steel, polished brass, or black matt.

> Phụ kiện chất lượng cao cho các cửa ra vào bên trong khách sạn.
> Báo hiệu khóa/mở khóa và “Không quấy rầy” bằng đèn LED.
> Vật liệu: inox mờ, đồng bóng hoặc đen mờ.

TRANG 14

Dialock DT 710

> Subtle rose and escutcheon fitting, customised design possible.
> Indication of locking/unlocking and “Do not disturb” with LED.
> Material: Matt stainless steel, polished brass, or black matt.
> Lever handle with G, J or U design.

> Phụ kiện nắp chụp tinh tế và thiết kế có thể tùy chỉnh.
> Báo hiệu khóa/mở khóa và “Không quấy rầy” bằng đèn LED.
> Vật liệu: thép không gỉ mờ, đồng đánh bóng hoặc đen mờ.
> Tay nắm với thiết kế chữ G, J hoặc U.

TRANG 20

Dialock DT 750

> ANSI version for American standard.
> Like DT 750.

> Phiên bản ANSI (tiêu chuẩn Mỹ).
> Tương tự như DT 750.

TRANG 24

Dialock DT 510

> Electronic profile cylinders.
> Suitable for DIN mortise locks.
> Indication of locking/ unlocking with LED.
> Matt stainless steel material, Alasept available.

> Ruột khóa điện tử.
> Phù hợp với thân khóa tiêu chuẩn DIN.
> Báo hiệu khóa/mở khóa bằng đèn LED.
> Vật liệu inox mờ có công nghệ kháng khuẩn (Alasept).

TRANG 44

Dialock DT 300

> Sophisticated Design
> RFID Technology
> Mifare Card
> Finish: Stainless steel matt, Brass Polished, Champaign Gold, PVD
> Rose Gold, PVD

> Thiết kế tinh tế
> Công nghệ RFID
> Thẻ Mifare
> Bề mặt hoàn thiện:
> Inox mờ, đồng bóng, vàng champagne, vàng hồng PVD, vàng PVD

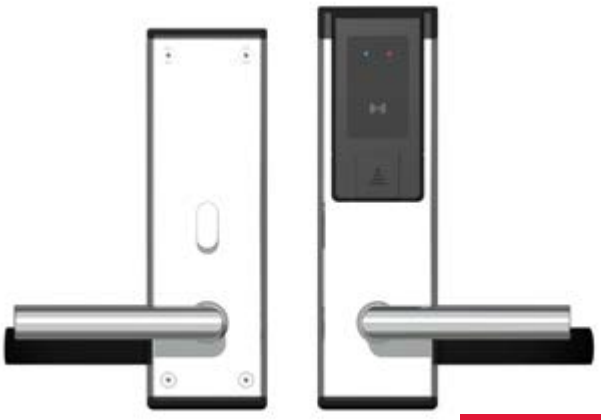

TRANG 48

Dialock DT 15

> Modern Design
> RFID Technology
> Mifare Card
> Finish: Stainless steel matt

> Thiết kế hiện đại
> Công nghệ RFID
> Thẻ Mifare
> Bề mặt hoàn thiện: Inox mờ

TRANG 55

Häfele-Igloohome

> Modern & Convenient Design
> Grant one-time/temporary access by PIN/Bluetooth Key Technology
> Use phone to open lock: tap & open
> Emergency Key available

> Thiết kế tinh tế, hiện đại
> Cấp quyền ra vào 1 lần/ tạm thời bằng mã PIN/ Bluetooth
> Dùng điện thoại để mở cửa: chạm và mở
> Tích hợp chìa cơ

SYSTEM

HỆ THỐNG

COMPUTER/ Máy tính

ENCODER
Thiết bị mã hóa thẻ

HOTEL LOCK/ Khóa khách sạn

PDS

EMERGENCY MECHANICAL KEY
Chìa khóa cơ khẩn cấp

CARD/Thẻ

MASTERCARD
Thẻ Master

RESTRICTED-AREA CARD
Thẻ ra vào khu vực cấm

HOUSEKEEPER CARD
Thẻ cho nhân viên vệ sinh

GUEST CARD
Thẻ cho khách

Hotel Door/Cửa khách sạn

Energy Saver/Công tắc thẻ từ

Lift/Thang máy

Parking/Bãi đỗ xe

Khu vực thư giãn/Wellness Area (Spa/Gym)

Restaurant Area/Khu vực nhà hàng

Häfele access control system: From car park to shop display cabinet. With flexible access authorisations.

You define which door guests, the room service employees and the management are allowed to unlock. If you wish, you can also specify the day of the week and the time. Almost anything that you can lock and unlock can be controlled using Dialock. Control is central using the Dialock software. You determine the number of contact points and the user.
Block a card? The information is distributed in seconds. And Dialock also has many more possibilities.

Hệ thống kiểm soát ra vào Häfele: ứng dụng từ bãi đỗ xe đến tủ trưng bày sản phẩm. Với cơ chế cấp quyền ra vào vô cùng linh hoạt.

Dễ dàng cấp quyền ra vào cho nhiều đối tượng: khách, nhân viên phục vụ phòng hoặc ban quản lý. Nếu muốn, bạn cũng có thể chọn thời gian và những ngày cụ thể trong tuần để cấp quyền ra vào cho họ. Nói cách khác, bạn có thể kiểm soát mọi hoạt động theo cơ chế khóa và mở khóa được điều khiển bằng Dialock. Trung tâm kiểm soát của hệ thống chính là phần mềm Dialock và bạn có thể quyết định số cửa ra vào được kết nối với hệ thống cũng như số người sử dụng.
Bạn muốn chặn một thẻ ra vào? Chỉ mất vài giây bạn có thể khóa quyền truy cập của thẻ cần chặn trên hệ thống. Ngoài ra, Dialock còn rất nhiều tính năng hữu ích khác.

DIALOCK DT700/ DT710

Dialock DT700

Dialock DT710

Stainless steel matt
Inox mờ

Brass Polished
Đồng bóng

Black matt
Đen mờ

> Unique Design
Thiết kế tinh tế, hiện đại

> RFID Technology for greatest convenience
Công nghệ RFID kiểm soát ra vào tiện lợi

> Premium Material SUS304 & Various Finish
Vật liệu cao cấp SUS304 và bề mặt hoàn thiện đa dạng

> Universal Mifare Card/ Mifare Plus Application
Sử dụng thẻ Mifare tương thích toàn cầu

Handle Options/ Kiểu dáng tay nắm

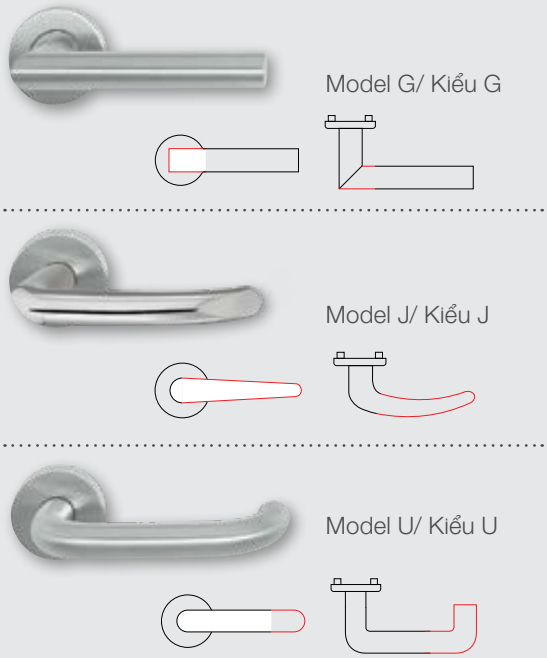

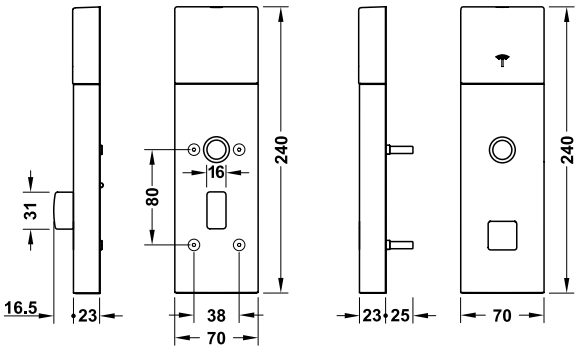

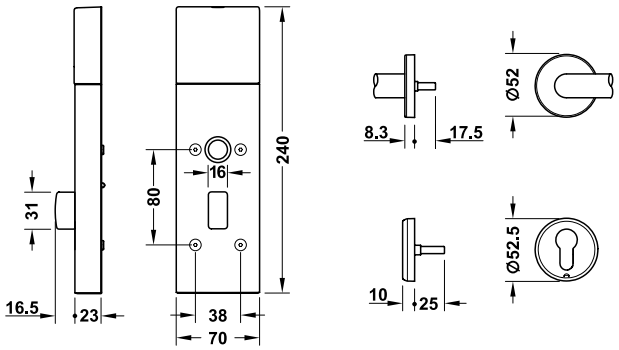

Features/ Tính năng

Battery-operated, touch-free activation with Dialock key
Sử dụng pin, kích hoạt mở khóa không chạm cửa bằng thẻ Dialock

Red/white LEDs/Piezo sound generator for indication of locking and unlocking.
Đèn LED đỏ/trắng hoặc thiết bị phát âm thanh Piezo để báo hiệu việc mở và khóa.

"Do not disturb" thumbturn for internal module and flashing signal for external module
Mặt khóa bên trong với đầu vặn cửa cho chức năng "Không làm phiền" và mặt khóa bên ngoài với tín hiệu nhấp nháy.

Opening door at any time from the inside by operating the lever handle without using key
Cửa luôn có thể mở từ phía bên trong bằng tay nắm gạt mà không cần sử dụng chìa.

Several keys per room and up to 20 keys per door terminal.
Có thể sử dụng nhiều thẻ khác nhau cho một phòng và tối đa 20 thẻ cho một khóa.

Mechanical emergency opening.
Có thể mở khóa bằng chìa cơ trong trường hợp khẩn cấp.

Real-time clock for audit trail of all locking processes, openings of the housing, emergency openings and battery removals (up to 1,000 audit trail entries and 1,000 user keys).
Ghi nhận thời gian và lưu trữ các hoạt động khóa và mở khóa, kể cả khi mở khóa bằng chìa cơ, tháo rời pin và hộp bảo vệ (bộ nhớ có khả năng ghi nhận đến 1.000 đầu mục hoạt động và 1.000 thẻ khác nhau).

Tamper protection (optional) on internal module blocks access from outside in case of removal of the internal backplate.
Trong trường hợp đế khóa bị tháo rời, có thể bật chức năng chống phá khóa để vô hiệu hóa khóa

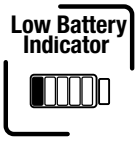

For service personnel: Indication when battery change is required.
Chức năng cảnh báo pin yếu

Technical Information / Thông tin kỹ thuật

Degree of protection Mức độ bảo vệ	IP20
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	0°C to +55°C 0°C đến + 55°C
Relative humidity Độ ẩm tương đối	0-95% (not condensed) 0-95% (không ngưng tụ)
Service life of battery Tuổi thọ của pin	Approx. 2 years, generally 10 locking cycles per day Khoảng 2 năm, tức 10 chu trình khóa mỗi ngày
Backset Khoảng cách từ mép khóa đến tâm lỗ khóa	55 or 65 mm 55 hoặc 65 mm
Spindle Trục kết nối	9 mm
Distance Khoảng cách	72 mm
Door thickness Độ dày của cửa	3595 mm
Standard Tiêu chuẩn	Tested for fire resistance in accordance with EN 1634, T90 Tested in accordance with EN 12209 (mortise lock) and EN 1906 (terminal) Kiểm định chống cháy theo chuẩn EN 1634, T90 Kiểm định chất lượng theo chuẩn EN 12209 (thân khóa) và EN 1906 (khóa)
Electro-static discharge Phóng tĩnh điện (ESD)	High level security, tested to 20000V, (standard 8000V) Mức độ an toàn cao, chịu đến 20.000V (so với mức chuẩn 8.000V)
Voltage supply Pin	Alkaline-manganese battery 1.5 V AA (4 pieces) Pin kiềm (Alkaline) 1.5 V AA (4 viên)

Part	Model Loại	Description Mô tả	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Front handles Tay nắm ngoài	Dialock DT 700	Lever G plate version Mifare/ISO Generation2 Tay nắm cửa kiểu G kèm đế dài	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.500
			Brass polished Đồng bóng	917.63.501
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.502
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.503
		Lever U plate version Mifare/ISO Generation2 Tay nắm cửa kiểu U kèm đế dài	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.505
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.506
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.507
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.508
		Lever J with rose Tay nắm cửa kiểu J kèm đầu đọc thẻ	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.510
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.511
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.512
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.513
	Dialock DT 710	Lever G with rose Tay nắm cửa kiểu G kèm đầu đọc thẻ	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.600
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.601
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.602
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.603
		Lever U with rose Tay nắm cửa kiểu U kèm đầu đọc thẻ	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.605
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.606
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.607
			Stainless stelel black matt/ Inox đen mờ	917.63.608
		Lever J with rose Tay nắm cửa kiểu J kèm đầu đọc thẻ	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.610
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.611
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.612
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.613
Rear handles Tay nắm trong	Dialock DT 700 & DT 710	Interior module, lever G Tay nắm cửa kèm đế dài, kiểu G	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.000
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.001
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.002
			Stain steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.003
		Interior module, lever U Tay nắm cửa kèm đế dài, kiểu U	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.005
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.006
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.007
			Stain steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.008
		Interior module , lever J Tay nắm cửa kèm đế dài, kiểu J	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.63.010
			Brass polished/ Đồng bóng	917.63.011
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.63.012
			Stain steel black matt/ Inox đen mờ	917.63.013

Dialock DT 700/710 HB hotelbird Smartphone function
Dialock DT 700/710 HB - kết hợp điện thoại thông minh

Part	Model Loại	Description Mô tả	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Front and gear handle Bộ tay nắm cửa trước và sau	Dialock DT 700 HB	G - Lever handle Tay nắm cửa kiểu G	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.152
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.153
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.219
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.218
		U - Lever handle Tay nắm cửa kiểu U	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.157
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.158
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.221
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.220
		J - Lever handle Tay nắm cửa kiểu J	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.162
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.163
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.223
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.222
	Dialock DT 710 HB	G - Lever handle Tay nắm cửa kiểu G	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.150
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.151
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.319
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.318
		U - Lever handle Tay nắm cửa kiểu U	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.155
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.156
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.321
			Stainless stelel black matt/ Inox đen mờ	917.64.320
		J - Lever handle Tay nắm cửa kiểu J	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.160
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.161
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.323
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.322
WT 210 BLE HB Khóa điện tử gắn tường WT 210 BLE HB				917.91.076

Mobile Booking | Mobile Checking | Digital Key | Mobile Payment

hotelbird
HÄFELE

hotelbird means digital service
hotelbird digitizes the entire communication process between front desk and guests. Mobile booking, check-in, digital room keys, payment and check-out - combined and automated within one application. Accompany your guests on their journey and ensure customer loyalty!

hotelbird operates independent from OTA's and supports hotels by increasing their share of direct & commission free bookings and optimizing internal operation processes.

hotelbird - Tiện nghi cho khách, lợi ích cho bạn
Với ứng dụng hotelbird, toàn bộ quá trình thông tin liên lạc giữa bộ phận lễ tân và khách hàng sẽ được số hóa - từ việc đặt phòng, nhận phòng, thanh toán đến trả phòng. Ngay cả chìa khóa phòng cũng sẽ nằm gọn gàng và tiện lợi trong chiếc điện thoại di động. Dịch vụ càng tiện nghi, khách hàng càng thêm tin tưởng!

Hoạt động độc lập với các dịch vụ đặt phòng trực tuyến, hotelbird còn giúp các khách sạn tăng thêm số lượng đặt phòng trực tiếp (không bị tính phí hoa hồng) đồng thời tối ưu hóa các quy trình hoạt động nội bộ.

Dialock DT 700/710 SPK
Dialock DT 700/710 SPK

Part	Model Loại	Description Mô tả	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Front and gear handle Bộ tay nắm cửa trước và sau	Dialock DT 700 SPK	G - Lever handle Tay nắm cửa kiểu G	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.212
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.213
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.207
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.206
		U - Lever handle Tay nắm cửa kiểu U	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.214
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.215
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.209
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.208
		J - Lever handle Tay nắm cửa kiểu J	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.216
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.217
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.211
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.210
	Dialock DT 710 SPK	G - Lever handle Tay nắm cửa kiểu G	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.312
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.313
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.307
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.306
		U - Lever handle Tay nắm cửa kiểu U	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.314
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.315
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.309
			Stainless stelel black matt/ Inox đen mờ	917.64.308
		J - Lever handle Tay nắm cửa kiểu J	Stainless steel satin/ Inox mờ	917.64.316
			Brass polished/ Đồng bóng	917.64.317
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.64.311
			Stainless steel black matt/ Inox đen mờ	917.64.310
WT 210 BLE SPK Khóa điện tử gắn tường WT 210 BLE SPK				917.91.088

Forend width, round mm Độ rộng forend, dạng tròn mm	Mortise lock Thân khóa	Din Hướng mở cửa	Cat.No Mã sản phẩm
Backset A 65mm Khoảng cách từ mép cửa đến tâm lỗ khóa			
20mm - For rebated doors 20 mm - Cho cửa có ngàm	Mortise for OUTWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng ra ngoài	DIN L/ Cửa mở trái	917.81.731
		DIN R/ Cửa mở phải	917.81.741
	Mortise for INWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng vào trong	DIN L/ Cửa mở trái	917.81.711
		DIN R/ Cửa mở phải	917.81.721
24 mm - For non-rebated doors 24 mm - Cho cửa không có ngàm	Mortise for OUTWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng ra ngoài	DIN L/ Cửa mở trái	917.81.781
		DIN R/ Cửa mở phải	917.81.791
	Mortise for INWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng vào trong	DIN L/ Cửa mở trái	917.81.761
		DIN R/ Cửa mở phải	917.81.771

Profile Cylinder Ruột khóa	Dimension Kích thước	Cat.No Mã sản phẩm
Single profile cylinder Ruột khóa 1 đầu chìa	31.5/10mm	916.00.602
	35.5/10mm	916.00.603
	40.5/10mm	916.00.604
	30/10mm	916.96.106
	35/10mm	916.96.116

Mounting set Bộ ốc vít	Dim.E mm Kích thước E mm	Dim. C mm Kích thước C mm	Dim.D mm Kích thước D mm	Stainless steel Inox mờ	
				Matt Mờ	Brass polished Đồng bóng
Mounting set 1 Bộ ốc vít 1	Door thickness 35-50 Độ dày cửa 35-50	14-35	14-35	917.80.451	917.80.471
Mounting set 2 Bộ ốc vít 2	Door thickness 50-65 Độ dày cửa 50-65	15-35	15-35	917.80.452	917.80.472
Mounting set 3 Bộ ốc vít 3		35-50	14-25	917.80.453	917.80.473
Mounting set 4 Bộ ốc vít 4		14-25	35-50	917.80.454	917.80.474
Mounting set 5 Bộ ốc vít 5	Door thickness 65-80 Độ dày cửa 65-80	50-65	14-25	917.80.455	917.80.475
Mounting set 6 Bộ ốc vít 6		35-50	15-35	917.80.456	917.80.476
Mounting set 7 Bộ ốc vít 7		15-35	30-50	917.80.457	917.80.477
Mounting set 8 Bộ ốc vít 8		14-25	50-65	917.80.458	917.80.478
Mounting set 9 Bộ ốc vít 9	Door thickness 80-95 Độ dày cửa 80-95	50-70	14-30	917.80.459	917.80.479
Mounting set 10 Bộ ốc vít 10		10-50	65-25	917.80.460	917.80.480
Mounting set 11 Bộ ốc vít 11		30-50	30-50	917.80.461	917.80.481
Mounting set 12 Bộ ốc vít 12		30-40	50-60	917.80.462	917.80.482
Mounting set 13 Bộ ốc vít 13		15-30	50-65	917.80.463	917.80.483

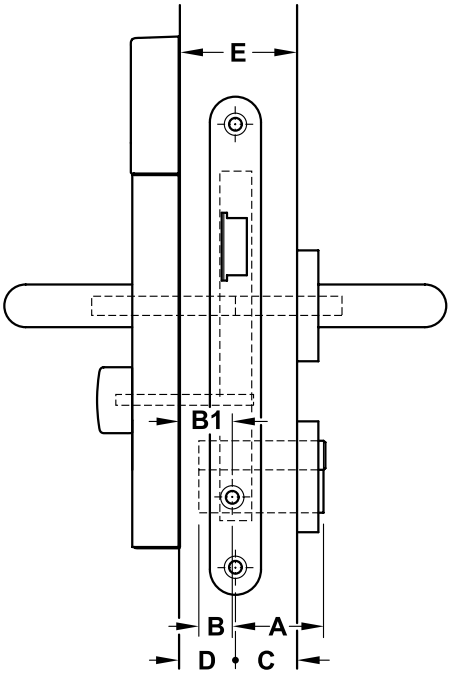

> Functionality: For connecting the external and internal modules and the thumbturn with the mortise lock
> Material: Steel, threaded screws: Stainless steel

> Chức năng: Kết nối module bên trong cửa và ngoài cửa và núm vặn kèm với thân khóa
> Vật liệu: Thép, vít ren: Inox

DIALOCK DT750 (ANSI)

- > Unique Design
  Thiết kế tinh tế, hiện đại
- > Complied with ANSI standard
  Theo tiêu chuẩn ANSI
- > RFID Technology for greatest convenience
  Công nghệ RFID kiểm soát ra vào tiện lợi
- > Premium Material SUS304 & Various Finish
  Vật liệu cao cấp SUS304 và bề mặt hoàn thiện đa dạng
- > Universal Mifare Card/ Mifare Plus Application
  Sử dụng thẻ Mifare tương thích toàn cầu

Dialock DT750

Stainless steel matt
Inox mờ

Brass Polished
Đồng bóng

Black matt
Đen mờ

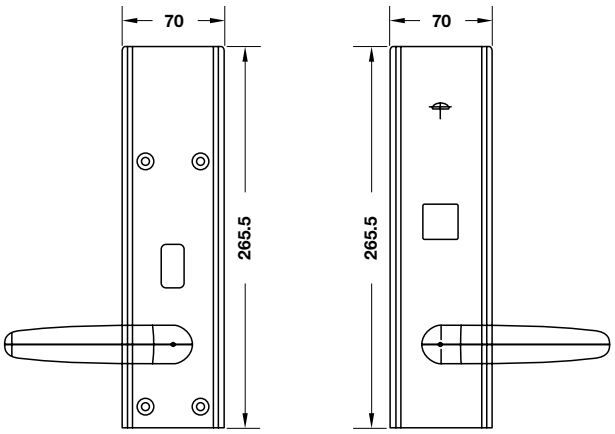

Handle Options/ Kiểu dáng tay nắm

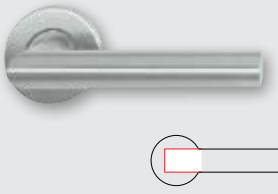

Model G/ Kiểu G

Model J/ Kiểu J

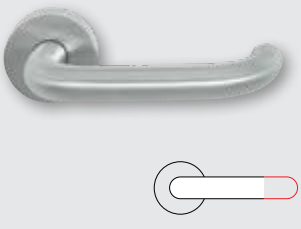

Model U/ Kiểu U

Features/ Tính năng

Battery-operated, touch-free activation with Dialock key
Sử dụng pin, kích hoạt mở khóa không chạm cửa bằng thẻ Dialock

Red/white LEDs/Piezo sound generator for indication of locking and unlocking.
Đèn LED đỏ/trắng hoặc thiết bị phát âm thanh Piezo để báo hiệu việc mở và khóa.

"Do not disturb" thumbturn for internal module and flashing signal for external module
Mặt khóa bên trong với đầu vặn cửa cho chức năng "Không làm phiền" và mặt khóa bên ngoài với tín hiệu nhấp nháy.

Opening door at any time from the inside by operating the lever handle without using key
Cửa luôn có thể mở từ phía bên trong bằng tay nắm gạt mà không cần sử dụng chìa.

Several keys per room and up to 20 keys per door terminal.
Có thể sử dụng nhiều thẻ khác nhau cho một phòng và tối đa 20 thẻ cho một khóa

Mechanical emergency opening available.
Có thể mở khóa bằng chìa cơ trong trường hợp khẩn cấp.

Real-time clock for audit trail of all locking processes, openings of the housing, emergency openings and battery removals (up to 1,000 audit trail entries and 1,000 user keys).
Ghi nhận thời gian và lưu trữ các hoạt động khóa và mở khóa, kể cả khi mở khóa bằng chìa cơ, tháo rời pin và hộp bảo vệ (bộ nhớ có khả năng ghi nhận đến 1.000 đầu mục hoạt động và 1.000 thẻ Dialock khác nhau).

Tamper protection (optional) on internal module blocks access from outside in case of removal of the internal backplate.
Trong trường hợp đế khóa bị tháo rời, có thể bật chức năng chống phá khóa để vô hiệu hóa khóa

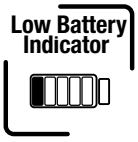

For service personnel: Indication when battery change is required.
Chức năng cảnh báo pin yếu

Technical Information / Thông tin kỹ thuật

Degree of protection Mức độ bảo vệ	IP20
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	0°C to +55°C 0C°đến + 55°C
Relative humidity Độ ẩm tương đối	0-95% (not condensed) 0-95% (không ngưng tụ)
Service life of battery Tuổi thọ của pin	Approx. 2 years, generally 10 locking cycles per day Khoảng 2 năm, tức 10 chu trình khóa mỗi ngày
Backset Khoảng cách từ mép khóa đến tâm lỗ khóa	70 mm
Spindle Trục kết nối	8 mm
Distance Khoảng cách	92 mm
Door thickness Độ dày của cửa	45-95 mm
Standard Tiêu chuẩn	ANSI Grade 1 UL Fire 180 min Chứng nhận chống cháy UL 180 phút
Electro-static discharge Phóng tĩnh điện (ESD)	High level security, tested to 20000V, (standard 8000V) Mức độ an toàn cao, chịu đến 20.000V (so với mức chuẩn 8.000V)
Voltage supply Pin	Alkaline-manganese battery 1.5 V AA (4 pieces) Pin 1.5 V AA (4 viên)
Memory Bộ nhớ	For up to 1,000 audit trail entries, for up to 1,000 keys Đến 1.000 đầu mục hoạt động, áp dụng cho 1.000 thẻ Dialock khác nhau

Part Bộ phận	Model Mẫu tay nắm	Description Mô tả	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Front and Gear Handle Tay nắm ngoài và tay nắm trong	Dialock DT 750	Lever G plate version Mifare/ISO Generation2 Tay nắm cửa kiểu G kèm đế dài	Stainless steel satin Inox mờ	917.64.540
			Brass polished Đồng bóng	917.64.543
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx
		Lever J plate version Mifare/ISO Generation2 Tay nắm cửa kiểu J kèm đế dài	Stainless steel satin Inox mờ	917.64.541
			Brass polished Đồng bóng	917.64.544
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx
		Lever U plate version Mifare/ISO Generation2 Tay nắm cửa kiểu U kèm đế dài	Stainless steel satin Inox mờ	917.64.542
			Brass polished Đồng bóng	917.64.545
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx

Profile Cylinder Ruột khóa	Dim. C mm Kích thước C mm	Material/ Finish Vật liệu/ Màu hoàn thiện	Closure Loại chìa	Key change Biên nhận chìa	Cat.No Mã sản phẩm
Round cylinder Ruột khóa tròn	27.5	Brass / Nickel plated matt Đồng / Niken mờ	Keyed Different		917.81.520
			Keyed Alike	1	917.81.521
				2	917.81.522
				3	917.81.523

KA: Keyed Alike normally refers to a group of locks that operate from the same key
KD: Each lock is opened by its own unique key that does not open any other lock in the set.

KA: Nhiều ổ khóa khác nhau hay ruột khóa khác nhau có thể dùng chung chìa
KD: Mỗi khóa có chìa riêng nhưng không thể mở các ổ khóa khác

Key change Biên nhận chìa	Cat.No Mã sản phẩm
1	917.81.621
2	917.81.622
3	917.81.623

Order reference
Keys not supplied, please order separately.

Hướng dẫn đặt hàng
Không kèm chìa khóa, xin vui lòng đặt riêng

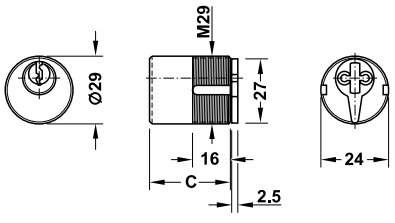

Forend width mm Độ rộng Forend	Mortise lock Thân khóa	Din Hướng mở cửa	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Backset 70mm, forend square Backset 70 mm, dạng vuông				
31.5 mm	Mortise for OUTWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng ra ngoài	DIN L Cửa mở trái	Stainless steel satin Inox mờ	917.81.730
			Brass polished Đồng bóng	917.81.735
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx
		DIN R Cửa mở phải	Stainless steel satin Inox mờ	917.64.510
			Brass polished Đồng bóng	917.64.520
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx
	Mortise for INWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng vào trong	DIN L Cửa mở trái	Stainless steel satin Inox mờ	917.64.511
			Brass polished Đồng bóng	917.64.521
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx
		DIN R Cửa mở phải	Stainless steel satin Inox mờ	917.64.513
			Brass polished Đồng bóng	917.64.523
			Stainless steel black matt Inox đen mờ	917.64.xxx
* Backset: Khoảng cách từ mép cửa đến tâm lỗ khóa				

Mounting set Bộ ốc vít	Door thickness mm	Stainless steel Inox Satin Mờ	Brass polished Đồng bóng	Black satin Đen mờ
Mounting set 1 Bộ ốc vít 1	45-60	917.64.581	917.64.591	917.64.xxx
Mounting set 2 Bộ ốc vít 2	60-75	917.64.582	917.64.592	917.64.xxx
Mounting set 3 Bộ ốc vít 3	75-85	917.64.583	917.64.593	917.64.xxx
Mounting set 4 Bộ ốc vít 4	85-95	917.64.584	917.64.594	917.64.xxx

> Functionality: For connecting the external and internal module and thumbturn with the mortice lock
> Material: Steel
> Threaded screws: Stainless steel

> Chức năng : Kết nối module bên trong cửa và ngoài cửa và núm vặn kèm với thân khóa
> Vật liệu: Thép
> Vít ren: Inox

DIALOCK DT510

DT 510 D thumbturn cylinder
Ruột khóa đầu vặn DT 510D

Dialock DT 510 D

DT 510 B thumbturn cylinder, dummy on one side
Ruột khóa đầu vặn, một đầu giả DT 510B

Dialock DT 510 B

DT 510 D-DZ thumbturn cylinder
Ruột khóa đầu vặn DT 510D-DZ

Dialock DT 510 D-DZ

DT 510 H single cylinder with thumbturn
Ruột khóa nửa đầu chìa, có đầu vặn DT 510 H

Dialock DT 510 H

> Flexible application with electronic cylinder
Ruột khóa điện tử với ứng dụng linh động vào cửa có sẵn

> Unique Design
Thiết kế tinh tế, hiện đại

> RFID Technology for greatest convenience
Công nghệ RFID kiểm soát ra vào tiện lợi

> Premium Material SUS304 & Various Finish
Vật liệu cao cấp SUS304 và bề mặt hoàn thiện đa dạng

> Universal Mifare Card/ Mifare Plus Application
Sử dụng thẻ Mifare tương thích toàn cầu

Technical Information / Thông tin kỹ thuật	
Degree of protection Mức độ bảo vệ	IP65 Weatherproof, for use inside and outside of buildings Không bị tác động bởi thời tiết, thích hợp sử dụng bên trong và ngoài tòa nhà
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	20°C to +70°C/ 20°C đến 70°C
Relative humidity Độ ẩm tương đối	0-95% (not condensed) 0-95% (không ngưng tụ)
Service life of battery Tuổi thọ của pin	Approx. 2 years, generally 40,000 locking processes Khoảng 2 năm, tức 40.000 chu trình khóa và mở khóa
Profile cylinder lengths Độ dài ruột khóa profile	27.5 mm to 62.5mm 27,5mm đến 62,5 mm
Number of possible Dialock keys Số thẻ Dialock tối đa	1.000

Features/ Tính năng

Battery-operated, touch-free activation with Dialock key.
Sử dụng pin, ruột khóa có đầu vặn thông minh hoặc hai đầu chìa, kích hoạt không cần tiếp xúc bằng thẻ Dialock.

Profile cylinder with reader on one side (thumbturn cylinder) or both sides (double cylinder) for access control.
Ruột khóa có đầu đọc ở một đầu (ruột khóa đầu vặn) hoặc hai đầu (ruột khóa hai đầu chìa).

Acoustic feedback when presenting the key.
Phát âm thanh khi tiếp xúc với thẻ.

Illuminated ring for indication of status: Green = unlocking, red = locking, no LED = stand-by.
Phát âm thanh kèm ánh sáng màu theo tình trạng của khóa: Xanh = Mở khóa, Đỏ = Khóa, không phát đèn = đang xử lý.

Standard setting: Activation of external knob with authorized Dialock key and automatic deactivation after 10 seconds (variable time setting).
Cài đặt chuẩn: Ổ khóa điện tử lắp bên ngoài cửa được cấp quyền mở khóa bằng thẻ Dialock và tự động khóa sau 10 giây đóng cửa (có thể tùy chỉnh về thời lượng)

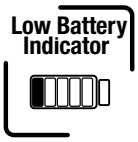

For service personnel: Indication of programming status and when battery change is required (acoustic alarm signal).
Báo hiệu bằng âm thanh về trạng thái cài đặt của khóa và khi pin yếu.

Infrared interface for programming.
Giao diện hồng ngoại để cài đặt chương trình.

Real-time clock for audit trail of all processes.
Ghi nhận thời gian và lưu trữ tất cả hoạt động.

WALL TERMINAL

KHÓA ĐIỆN TỬ GẮN TƯỜNG

WT 200 WALL TERMINAL SET

BỘ KHÓA ĐIỆN TỬ GẮN TƯỜNG WT 200

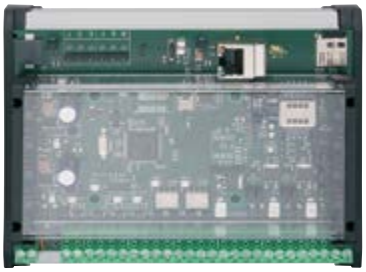

Area of application/ Ứng dụng

> For authorization and/or as wall unit, block lock function; suitable for any type of door, gates, car park barriers, furniture and furnishings, lights, alarm systems, video surveillance...

> Dùng để cấp quyền ra vào và/hoặc thiết bị gắn tường, chức năng chặn khóa, thích hợp cho các loại cửa, cổng ra vào, thanh chắn tại bãi đỗ xe hơi, đồ nội thất, đèn, hệ thống báo động, hệ thống ghi hình giám sát v.v.

Order reference/ Hướng dẫn đặt hàng

Please refer to the descriptions of the WRU 200 wall reader and WTC 200 controller for more detailed information about the individual components of the WT 200 set.
Xem thêm phần mô tả đầu đọc WRU 200 và bộ điều khiển WTC 200 để biết thêm chi tiết.

Please order supplementary and optional components, e.g. energy control terminal, power supply and lock, separately.
Vui lòng đặt mua riêng các sản phẩm hỗ trợ không đi kèm, ví dụ: thiết bị kiểm soát điện, nguồn điện và khóa v.v.

Supplied with Sản phẩm bao gồm	Function Chức năng	Cat.No Mã sản phẩm
Standard/ Tiêu chuẩn		
1 WRU 200 wall reader 1 đầu đọc WRU 200	Indoor or Outdoor use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.078
1 WTC 200 controller 1 bộ điều khiển WTC 200		
Optional/ Tùy chọn		
1 WTX200 I/O expansion Module mở rộng WTX200 I/O	Indoor or Outdoor use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.073

WRU 200 READER

ĐẦU ĐỌC WRU200

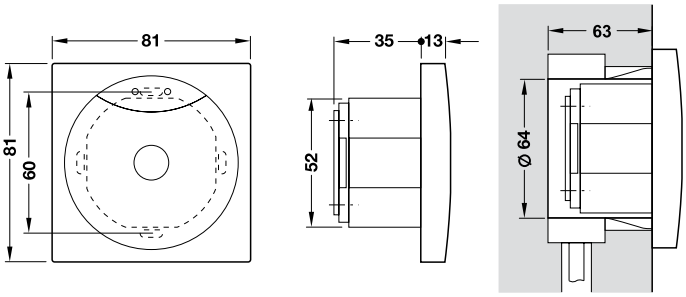

> Space required, flush mounted box
Đế âm, cần không gian để lắp đặt

> WRU 200 wall reader (writer and reader unit) plastic, anthracite/silver colored, for combination with WTC 200 controller
Đầu đọc WRU 200 (chức năng đọc và thiết lập) bằng nhựa, màu bạc hoặc đen anthracite, sử dụng kết hợp với bộ điều khiển WTC 200

Function/ Chức năng

Mains-operated wall terminal, touch-free activation with Dialock key
Thiết bị gắn tường, hoạt động bằng điện, kích hoạt không tiếp xúc bằng thẻ Dialock

> Red/green LEDs for indication of locking and unlocking
Đèn LED đỏ/xanh báo hiệu khóa và mở khóa

> For service personnel: Indication of operating status (e.g. offline)
Thông báo tình trạng hoạt động của thiết bị (ví dụ: ngoại tuyến)

Technical Information / Thông tin kỹ thuật	
Degree of protection Mức độ bảo vệ	IP65
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	25°C to +70°C with temperature monitoring 25°C đến +70°C, có giám sát nhiệt độ
Voltage supply Nguồn điện	1224 V DC 15%
Current consumption Điện năng tiêu thụ	0.8 W
RFID	RFID f = 13.56 MHz
Indication Thiết bị báo hiệu	1 x LED red, 1 x LED green 01 đèn LED đỏ, 01 đèn LED xanh
Interface Giao diện	1 x RS-485, automatic baud rate detection 1 cổng RS-485, tự động đo tốc độ truyền dữ liệu
Relative humidity Độ ẩm tương đối	10-95 % (not condensed/không ngưng tụ)
Connection Kết nối	Terminals for e.g. J-Y(St) Y2x2x0.8, max. 100 m Khớp nối đối với các dây cáp như J-Y(St)Y2x2x0.8, tối đa 100m
Dimensions Kích thước	Width 81 mm, height 81 mm, depth 13 mm (surface mounted) 35 mm (flush mounted) 81R x 81C x 13S mm (lắp nổi) hoặc 35S mm (lắp âm)

Notes for operation and installation
Lưu ý về hoạt động & lắp đặt

> Connection between WRU 200 wall reader and WTC 200 controller with four core installation cable in compliance with VDE 0815: Type J-Y(St)Y 2 x 2 x 0.8 mm (twisted pair, shielded), max. length 100 m (please contact Dialock specialist for other lengths).
Để kết nối giữa đầu đọc WRU 200 và bộ điều khiển WTC 200, sử dụng dây cáp 4 lõi theo tiêu chuẩn VDE 0815 loại cáp J-Y(St)Y 2 x 2 x 0.8 mm (xoắn theo từng cặp, bọc ngoài), chiều dài tối đa 100 m (vui lòng liên hệ chuyên viên Dialock để có dây cáp kích thước khác).

> Installation of wall reader in flush mounted box with 2 device fastening screws (distance 60 mm in compliance with DIN).
Sử dụng 2 đinh vít để lắp đặt đầu đọc vào đế âm (vị trí đinh vít phải cách nhau 60 mm theo tiêu chuẩn DIN).

> Make sure the fastening points on the flush mounted box are horizontal.
Đảm bảo các điểm lắp vít trên hộp nằm theo chiều ngang.

> Minimum distance between 2 wall readers 250 mm.
Khoảng cách tối thiểu giữa 2 đầu đọc là 250 mm.

> The installation of the wall reader in metal surroundings must be planned.
Cần chuẩn bị kỹ lưỡng khi lắp đầu đọc tại nơi có nhiều kim loại xung quanh.

Supplied with Sản phẩm bao gồm	Function Chức năng	Cat. No. Mã sản phẩm
1 WRU 200 wall reader 1 đầu đọc WRU 200	Indoor or Outdoor Use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.072

Order reference/ Hướng dẫn đặt hàng

Please order supplementary and optional components, e.g. energy control terminal, power supply and lock, separately.
Vui lòng đặt mua riêng các sản phẩm hỗ trợ không đi kèm, ví dụ: thiết bị kiểm soát điện, nguồn điện và khóa v.v.

WTC 200 CONTROLLER

BỘ ĐIỀU KHIỂN WTC 200

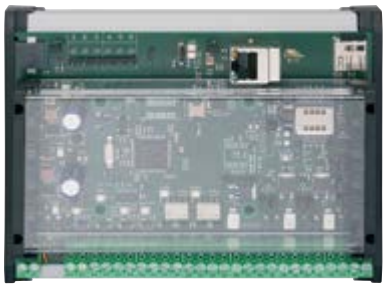

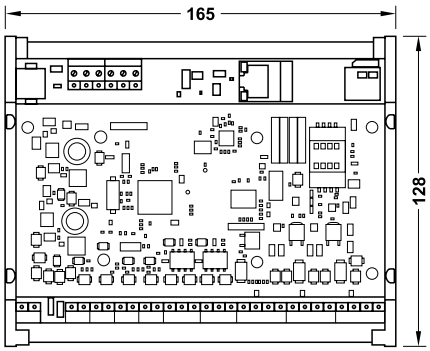

> WTC 200 Controller made from plastic, anthracite/ silver colored, for combination with WRU 200 wall reader.

Bộ điều khiển WTC 200 được làm bằng nhựa, màu bạc/đen anthracite, sử dụng kết hợp với đầu đọc WRU 200.

Notes for operation and installation
Lưu ý về hoạt động & lắp đặt

Connection between WRU 200 and WTC 200 controller with four core installation cable in compliance with VDE 0815: Type J-Y(St)Y 2 x 2 x 0.8 mm (twisted pair, shielded), max. length 100 m (please contact Dialock specialist for other lengths).

Để kết nối giữa đầu đọc WRU 200 và bộ điều khiển WTC 200, sử dụng dây cáp 4 lõi theo tiêu chuẩn VDE 0815 loại cáp J-Y(St)Y 2 x 2 x 0.8 mm (xoắn theo từng cặp, bọc ngoài), chiều dài tối đa 100 m (vui lòng liên hệ chuyên viên Dialock để có dây cáp kích thước khác).

Functions/ Chức năng

Mains-operated, intelligent controller for online operation
Sử dụng điện, thiết bị điều khiển thông minh cho quản lý trực tuyến

Use as authorisation writer and/or wall terminal, block lock function.
Dùng để cấp quyền ra vào và/hoặc thiết bị gắn tường, chức năng chặn khóa.

Selective control of up to 2 electrical devices.
Chức năng điều khiển có thể tùy chọn tối đa 2 thiết bị điện tử.

Plug & Play installation, all system parameters configured on an SD card using the software
Lắp đặt theo phương pháp Lắp & Sử dụng, thiết lập các chỉ số của hệ thống trên thẻ nhớ SD bằng phần mềm chuyên dụng.

Authorisation writer for updating authorisations at offline terminals.
Thu thập thông tin các lượt ra vào tại mỗi khóa riêng biệt theo phương pháp thủ công

Indication of operating status in the Dialock 2.0 software.
Báo hiệu tình trạng hoạt động (đối với phần mềm Dialock 2.0).

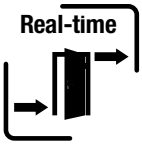

Just-in-time modifications of authorisations.
Cập nhật thông tin quyền hạn ra vào tùy ý.

With integrated real-time clock for programming time restricted locking authorisations (setting of time zones).
Cấp quyền ra vào theo thời gian, giúp tăng cường an ninh.

With audit trail of all processes.
Ghi nhận và lưu trữ tất cả hoạt động.

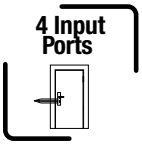

With 4 input ports for analysing input signals (e.g. reed contact for door monitoring). In combination with electric strike or mortise lock with feedback contact, this allows visual overall monitoring the status of the locking system.
4 cổng vào để phân tích tín hiệu nhận được (ví dụ: công tắc kiểu lưỡi gà để giám sát cửa). Khi kết hợp khóa ngàm điện hoặc thân khóa với công tắc phản hồi, tính năng này cho phép giám sát tình trạng của hệ thống khóa bằng hình ảnh.

Configuration changed and firmware updated online with the Dialock 2.0 software Options (please order separately).
Thay đổi kết cấu và cập nhật phần cứng trực tuyến với các tùy chọn trên phần mềm Dialock 2.0 (vui lòng đặt hàng riêng).

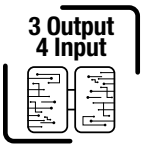

WTX 200 I/O expansion module with 3 relay output ports and 4 analogue input ports
Module mở rộng WTX 200 I/O với 3 cổng ra relay và 4 cổng vào analogue.

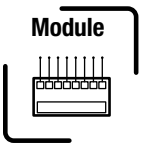

8-way relay module with 8 relay output ports and 1 analogue input port
Module với 8 cổng ra relay và 1 cổng vào analogue.

Technical Information / Thông tin kỹ thuật		
Degree of protection Mức độ bảo vệ		IP30 (sheet steel housing), installation on hat rail depends on housing IP30 (hộp bảo vệ bằng thép mỏng), lắp đặt trên dây cầu chì (hat rail) tùy theo hộp bảo vệ
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)		0°C to + 50°C 0°C đến + 50°C
Voltage supply Nguồn điện		12-24 V DC≥15%
Current consumption Điện năng tiêu thụ		1.5 W
Interfaces Giao diện		1 x Ethernet 10/100 Mbit/s
		3 x RS-485 interfaces with power supply 3 cổng RS-485 với nguồn điện
		2 x relay output ports (change-over contact 30 V/2 A) 2 cổng ra relay (công tắc 2 tiếp điểm 30 V/2 A)
		4 x analogue input ports 4 cổng vào analogue
		1 x USB interface 1 cổng USB
Slot Lắp khe		For WTX 200 I/O expansion/ Dành cho module mở rộng WTX 200 I/O
Storage media Lưu trữ		1 x micro SD card (with optional 128 bit SSL encryption) 1 thẻ nhớ SD (có thể mã hóa SSL 128 bit)
		512 kB flash
		128 KB SRAM
Relative humidity Độ ẩm tương đối		10-95% (not condensed/không ngưng tụ)
Connection Kết nối		Screw terminals 2.5 mm² Khớp nối bắt vít 2,5 mm²
Installation Lắp đặt	on hat rail trên dây cầu chì	Width 165 mm, height 130 mm, depth 65 mm 165R x 130C x 65S mm
	in sheet steel housing trong hộp bảo vệ bằng thép mỏng	Width 300 mm, height 300 mm, depth 132 mm 300R x 300C x 132C mm

Supplied with Sản phẩm bao gồm	Function Chức năng	Cat. No. Mã sản phẩm
1 WTC 200 controller 1 bộ điều khiển WTC 200	Indoor or Outdoor Use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.071

Order reference/Hướng dẫn đặt hàng

Please order supplementary and optional components, e.g. energy control terminal, power supply and lock, separately.

Vui lòng đặt mua riêng các sản phẩm hỗ trợ không đi kèm, ví dụ: thiết bị kiểm soát điện, nguồn điện và khóa v.v.

WTX200 I/O EXPANSION

MODULE MỞ RỘNG WTX200 I/O

FOR EXPANSION OF WTC 200 CONTROLLER
MỞ RỘNG TỪ BỘ ĐIỀU KHIỂN WTC 200

Functions/ Chức năng

- Connection of up to 4 monitoring contacts
  Kết nối tối đa 4 công tắc giám sát
- Connection of up to 2 electric strikes (relays)
  Kết nối tối đa 2 khóa ngàm điện (relay)
- Combined connection of monitoring contacts and electric strikes to up to 6 pins
  Kết nối kết hợp công tắc giám sát và chốt điện, tối đa 6 chi tiết
- Up to 3 relay contacts for electric strikes or for signalling the door status
  Tối đa 3 công tắc relay cho chốt điện hoặc báo hiệu tình trạng của cửa

Technical Information / Thông tin kỹ thuật	
Ambient temperature Nhiệt độ môi trường	0°C to + 50°C 0°C đến +50°C
Voltage supply Nguồn điện	12-24 V DC 15%
Current consumption Điện năng tiêu thụ	10-95 % (not condensed/không ngưng tụ)
Interfaces Giao diện	3 x relay output ports (changeover contact 30 V/2 A) 3 cổng ra relay (công tắc 2 tiếp điểm 30 V/2 A)
	4 x analogue input port 4 cổng vào analogue
Connection Kết nối	Screw terminals 2.5 mm^2 Khớp nối bắt vít 2.5 mm^2
Mounting Lắp đặt	On slot for WTC 200 Lắp khe đối với WTC 200

Supplied with Sản phẩm bao gồm	Function Chức năng	Cat. No. Mã sản phẩm
WTX200 I/O Expansion Module mở rộng WTX200 I/O	Indoor or Outdoor Use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.073

LIFT ACCESS CONTROL

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT RA VÀO THANG MÁY

WTX 201 8-WAY MODULE

MODULE 8 CỔNG WTX 201

EXPANSION OF WTC 200 CONTROLLER FOR LIFT
BỘ ĐIỀU KHIỂN MỞ RỘNG TỪ WTC 200 DÀNH CHO THANG MÁY

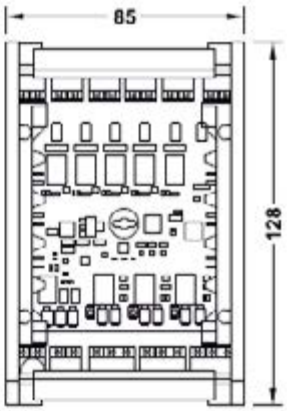

> WTX 201 8-way relay module, as independent unit that can be installed remotely from the WTC 200 controller, e.g. as lift control.

Module 8 cổng WTX 201 khi sử dụng độc lập có thể lắp đặt xa khỏi bộ điều khiển WTC 200.

Functions/ Chức năng

> Connection of up to 3 changeover contacts, 5 make or break contacts (relay)
Kết nối tối đa 3 công tắc 2 tiếp điểm, 5 công tắc đóng và cắt (relay)

> RS-485 input ports for connection with WTC 200 controller
Các cổng vào giao diện RS-485 để kết nối với bộ điều khiển WTC 200

> One RS-485 interface on the WTC 200 can be used for operating up to 4 WTX 201
Một cổng RS-485 trên WTC 200 có thể điều khiển đến 4 thiết bị WTX 201

Technical Information / Thông tin kỹ thuật	
Degree of protection Mức độ bảo vệ	Depends on housing Tùy theo khung bảo vệ
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	0°C to +50°C/0°C đến +50°C
Voltage supply Nguồn điện	12-24 V DC 15%
Interfaces Giao diện	3 x changeover contact 30 V/2 A 3 công tắc 2 tiếp điểm 30 V/2 A 5 x make/break contact (relay) 5 công tắc đóng và cắt (relay) 1 x RS-485 1 x analogue input port 1 cổng vào analogue
Relative humidity Độ ẩm tương đối	10-95% (not condensed/ không ngưng tụ)
Connection Kết nối	Screw terminals 2.5 mm^2 Khớp nối bắt vít 2,5 mm^2

Supplied with Sản phẩm bao gồm	Function Chức năng	Cat.No Mã sản phẩm
Standard/ Tiêu chuẩn		
1 WTX 201 - 8 way relay module 1 bộ WTX 201 8 cổng	Indoor or Outdoor use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.074

WT 210 WALL TERMINAL

KHÓA ĐIỆN TỬ GẮN TƯỜNG WT 210

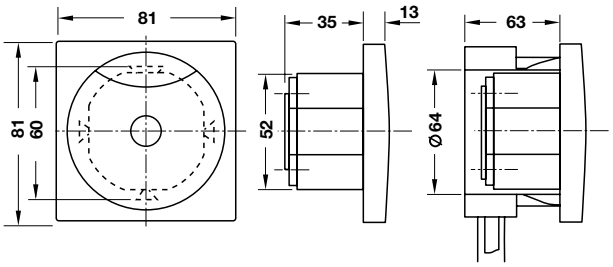

Functions/ Chức năng

> Space required, flush mounted box
Đế âm, cần không gian để lắp đặt

> WT 210 wall terminal (reader unit and controller in one compact unit) made from plastic, anthracite/ silver coloured.
Bộ khóa gắn tường WT 210 (chức năng đọc và điều khiển 2 trong 1) làm từ nhựa, đen anthracite hoặc bạc.

> The compact design of the WT 210 allows for installation in flush mounted boxes or cavity wall boxes.
Bộ khóa gắn tường WT 210 có thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt âm tường

Technical Information / Thông tin kỹ thuật	
Degree of protection Mức độ bảo vệ	IP65
Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	-25°C to/đến +70°C
Relative humidity Độ ẩm tương đối	10-95 % (not condensed) 10-95% (không ngưng tụ)
Voltage supply Nguồn điện	12-24 V DC ±15%
Current consumption Điện năng tiêu thụ	0.8 W
RFID	f = 13.56 MHz
Indication Thiết bị báo hiệu	1 x LED red, 1 x LED green, Piezo sound generator 1 đèn LED đỏ, 1 đèn LED xanh, bộ phát âm thanh
Interface Giao diện	Digital input port: Switching input max. 20 mA Relay output port (changeover contact): 48 V AC/DC, 5 A Alarm output port (make contact): 48 V DC, 1 A Rf interface for configuration with MDU 110 Cổng vào kỹ thuật số: Tối đa 20 mA Cổng ra rơle (công tắc tiếp điểm): 48 V AC/DC, 5 A Cổng ra báo động (tiếp điểm): 48 V DC, 1A Giao diện tương thích với MDU 110
Memory Bộ nhớ	For up to 1000 audit trail entries, for up to 1000 keys Có khả năng ghi nhận đến 1.000 đầu mục hoạt động và 1.000 thẻ khác nhau
Terminals	0.130.52 mm²
Dimensions Kích thước	Width 81 mm, height 81 mm, depth 13 mm, (surface mounted) 35 mm (flush mounted) 81R x 81C x 13S mm, (lắp nổi) hoặc 35 mm (lắp âm)

Functions/ Chức năng

Mains-operated wall terminal, for offline operation
Thiết bị gắn tường, hoạt động ngoại tuyến

- Red/green LEDs for indication of locking and unlocking
  Đèn Led đỏ/xanh báo hiệu khóa và mở khóa
- The WT 210 forms a complete offline access point in combination with an electric strike
  WT 210 thiết lập một điểm truy cập ngoại tuyến hoàn chỉnh kết hợp với khóa/mở khóa
- The digital input port can be used for connecting a push button inside that activates the electric strike.
  Đầu vào có thể được sử dụng để kết nối với một nút nhấn bên trong được kích hoạt bằng hệ thống điện.
- With integrated real-time clock for programming time restricted locking authorisations (setting of time zones)
  Đồng hồ điện tử cho phép thiết lập quyền ra vào theo thời gian (thiết lập các vùng thời gian).
- With sabotage sensor that triggers the integrated signal generator and activates the alarm relay when removing the reader head from the installation frame
  Với bộ cảm biến đặc biệt kích hoạt chuông báo động khi đầu đọc bị cạy phá
- The alarm relay can also be combined with one further relay (in the protected (indoor) areas) in order to achieve a tamper-resistant access point
  Rơle cảnh báo cũng có thể được kết hợp với một rơle khác (Trong khu vực được bảo vệ (trong nhà)) để tối ưu việc báo động xâm nhập.
- With audit trail of all locking processes and processes of removing the reader head from the installation frame
  Ghi nhận tất cả quá trình khóa và thậm chí khi đầu đọc bị cạy phá
- Wireless firmware update with the MDU 110
  Phần mềm không dây tương thích với MDU 110

Supplied with Sản phẩm bao gồm	Function Chức năng	Cat. No. Mã sản phẩm
1 WT 210 Wall Terminal 1 bộ khóa gắn tường WT 210	Indoor or Outdoor Use Trong nhà hoặc ngoài trời	917.91.077

Order reference/ Hướng dẫn đặt hàng

Please order supplementary and optional components, e.g. energy control terminal, power supply and lock, separately.
Vui lòng đặt mua riêng các sản phẩm hỗ trợ không đi kèm, ví dụ: thiết bị kiểm soát điện, nguồn điện và khóa v.v.

SOFTWARE PROGRAMMING

PHẦN MỀM QUẢN LÝ

Dialock Software Introduction/ Chức năng

> **New software generation**
Future-proof (+15 years), protected investment and ease of operation

> **Interface for hotel management system (HMS) or property management system (PMS)** (***)
Can be integrated into the current HMS or PMS

> **Control and monitor all access to the building**
All access to the building can be controlled and monitored via the dashboard of Dialock software in real-time (Online system) or in offset time (Offline system). Any event can be stored and tracked for abnormal actions.

> **Time-based access control**
Access is granted upon wills or checkin/checkout time if connected to hotel management system (HMS). Access to public area such as spa/gym/ business center can be limited during working hours, along with total room access.

> **Optional Group or Role model**
Group assignment of access authorisations
Groups can be freely defined and set up, but are often already present as an organizational unit of the company and can be directly accepted for access control. The access authorizations are immediately assigned when a new employee joins the organizational unit.

Role assignment of staff authorisations
Creation of role models is a powerful function of Dialock software, when doing this authorisations are no longer assigned directly to each individual person, but to a role, i.e. a task or a process.

> **Scalable software**
System grows in line with customer requirements, Dialock software is scalable. If the hotel is expanded at a later date, extension packages of software can be purchased per usage demand.

> **Central server, many workplaces**
Installation of the software on a central computer then accessible on any computer connected to the central PC without installation of the software.

> **Phần mềm thế hệ mới**
Không lỗi thời (trên 15 năm) dễ vận hành

> **Giao diện hệ thống quản lý khách sạn (HMS) hoặc hệ thống quản lý tài sản (PMS) (***)**
Có thể được tích hợp vào hệ thống HMS hoặc PMS hiện tại đang sử dụng

> **Kiểm soát và giám sát tất cả các lượt truy cập vào tòa nhà**
Tất cả các lượt truy cập vào tòa nhà có thể được kiểm soát và giám sát thông qua bảng điều khiển của phần mềm Dialock trong thời gian thực (hệ thống Online) hoặc trong lịch sử ra vào (hệ thống Offline). Bất kỳ sự kiện nào cũng có thể được lưu trữ và theo dõi cho các trường hợp bất thường.

> **Kiểm soát ra vào dựa trên thời gian**
Quyền ra vào được cấp theo nhu cầu hoặc trong thời gian checkin/ checkout nếu được kết nối với hệ thống quản lý khách sạn (HMS). Ra vào khu vực chung như spa / phòng tập thể dục/ trung tâm kinh doanh có thể bị giới hạn truy cập khi trong giờ làm việc, cùng với tổng số lần ra vào phòng.

> **Phân quyền ra vào theo nhóm hoặc vai trò**
Theo nhóm
Có thể tùy ý xác định và thiết lập các nhóm người sử dụng. Thông thường, các nhóm sẽ được lập theo các đơn vị tổ chức trong công ty và trực tiếp kết nối với hệ thống kiểm soát ra vào. Có thể cấp quyền ra vào cho nhân viên mới ngay tức thì.

Theo vai trò của nhân viên
Thiết lập vai trò của người sử dụng là chức năng ưu việt của phần mềm Dialock cho phép cấp quyền ra vào theo vai trò (nhiệm vụ hoặc quá trình công việc nào đó), thay vì cấp trực tiếp cho một cá nhân cụ thể.

> **Tính mở rộng của phần mềm**
Hệ thống phát triển phù hợp với nhu cầu của khách hàng, phần mềm Dialock có thể mở rộng. Nếu quy mô khách sạn được mở rộng, các gói phần mềm mở rộng có thể được đặt mua theo nhu cầu sử dụng.

> **Máy chủ trung tâm, nhiều nơi làm việc**
Cài đặt phần mềm trên máy chủ sau đó có thể truy cập được trên bất kỳ máy tính nào được kết nối với máy chủ mà không cần cài đặt phần mềm.

(***)

Manufacturer/ Nhà phát triển	Management Software/ Phần mềm quản lý khách sạn	Link
International		
Amadeus Germany GmbH	Amadeus Hospitality (Hogatex)	www.amadeus.com
Ariane Systems	Hotelomat	www.ariane.com
ASSD GmbH	ASSD PMS	www.assd.com
Citadel Hotelsoftware GmbH	Citadel Front Office	www.citadel.de
DATAreform GmbH	Hotel.Profi	www.hotel-profi.de
GUBSE Aktiengesellschaft	SIHOT	www.sihot.com
Hotline Hotelsoftware	Hotline Hotelsoftware	www.hotlinesoftware.de
HS/3 Hotelsoftware GmbH & Co. KG	HS/3 Hotelsoftware	www.hs3-hotelsoftware.de
Huber & Kreuzeder OG	Aida.X	www.aida.software
Logotel Software e.K.	Logotel Hotelsoftware	www.logotel-software.de
PCS GmbH	pcs phoenix	www.pcs-phoenix.com
Reconline AG	ReconlinePMS	www.reconline.com
SoftTec GmbH	Easy2res	www.e2r.de
Hilton	OnQ	www.hiltonhotels.de
Oracle Hospitality	Micros Suite8 / Opera	www.oracle.com
Protel hotelsoftware GmbH	Protel Hotelsoftware	www.protel.net
SoftBrands	Epitome PMS	www.softbrands.com
Việt Nam		
Anh Minh Informatics & Trade Co., Ltd.	Smile	http://www.anhminh.com/
CBIS., JSC	Intellio	http://intelio.net/

DIALOCK SOFTWARE

PHẦN MỀM DIALOCK

Project size **Quy mô dự án**			**Functionality (supplementary in ascending order)** **Chức năng (tầm quan trọng theo thứ tự từ dưới lên)**			
Access points Số điểm ra vào	**Personnel master records** Số nhân viên	**Encoder, entry or online reader** Thiết bị mã hóa, đầu đọc ở điểm ra vào hoặc trực tuyến	**Locking plan + time** Kế hoạch + thời gian khóa	**+ HMS** + Hệ thống quản lý khách sạn	**+ Role model** + Vai trò của người sử dụng	**+ Wireless & wired Online** + Trực tuyến có dây & không dây
Software SW 200 Control/Phần mềm điều khiển SW 200						
20	20	2	✓			
50	50	2	✓			
100	100	2	✓			
200	200	2	✓			
500	500	2	✓			
Software SW 300 Hotel/Phần mềm khách sạn SW 300						
20*	20	2	✓	✓		
50*	50	2	✓	✓		
100*	100	4	✓	✓		
200*	200	8	✓	✓		
500*	500	16	✓	✓		
Software SW 400 Professional/Phần mềm chuyên nghiệp SW 400						
50*	50	2	✓	✓	✓	
100*	100	4	✓	✓	✓	
200*	200	8	✓	✓	✓	
500*	500	16	✓	✓	✓	
Software SW 500 Wireless XL/Phần mềm không dây XL SW 500						
50*	50	50	✓	✓	✓	✓
100*	100	100	✓	✓	✓	✓
200*	200	200	✓	✓	✓	✓
500*	500	500	✓	✓	✓	✓

* in hotels (+HMS) the guest cards are assigned to the access point (guest room door)

* đối với khách sạn (+HMS) quyền ra vào của thẻ dành cho khách được áp dụng cho điểm ra vào (cửa phòng)

DIALOCK SOFTWARE

PHẦN MỀM DIALOCK

Dialock Software Phần mềm Dialock	Delivered on USB stick Lưu trữ trên USB	Delivery via Mail Gửi bằng thư điện tử
Software SW 200 Control 20/20 Phần mềm điều khiển SW 200 20/20	910.52.800	910.52.900
Software SW 200 Control 50/50 Phần mềm điều khiển SW 200 50/50	910.52.801	910.52.901
Software SW 200 Control 100/100 Phần mềm điều khiển SW 200 100/100	910.52.802	910.52.902
Software SW 200 Control 200/200 Phần mềm điều khiển SW 200 200/200	910.52.803	910.52.903
Software SW 200 Control 500/500 Phần mềm điều khiển SW 200 500/500	910.52.804	910.52.904
Software SW 300 Hotel 20/20 Phần mềm khách sạn SW 300 20/20	910.52.810	910.52.910
Software SW 300 Hotel 50/50 Phần mềm khách sạn SW 300 50/50	910.52.811	910.52.911
Software SW 300 Hotel 100/100 Phần mềm khách sạn SW 300 100/100	910.52.812	910.52.912
Software SW 300 Hotel 200/200 Phần mềm khách sạn SW 300 200/200	910.52.813	910.52.913
Software SW 300 Hotel 500/500 Phần mềm khách sạn SW 300 500/500	910.52.814	910.52.914
Software SW 400 Professional 50/50 Phần mềm chuyên nghiệp SW 400 50/50	910.52.831	910.52.931
Software SW 400 Professional 100/100 Phần mềm chuyên nghiệp SW 400 100/100	910.52.832	910.52.932
Software SW 400 Professional 200/200 Phần mềm chuyên nghiệp SW 400 200/200	910.52.833	910.52.933
Software SW 400 Professional 500/500 Phần mềm chuyên nghiệp SW 400 500/500	910.52.834	910.52.934
Software SW 500 Wireless XL 50/50 Phần mềm không dây XL SW 500 50/50	910.52.841	910.52.941
Software SW 500 Wireless XL 100/100 Phần mềm không dây XL SW 500 100/100	910.52.842	910.52.942
Software SW 500 Wireless XL 200/200 Phần mềm không dây XL SW 500 200/200	910.52.843	910.52.943
Software SW 500 Wireless XL 500/500 Phần mềm không dây XL SW 500 500/500	910.52.844	910.52.944
Packing: 1 piece/ Đóng gói: 1 cái		

DIALOCK SOFTWARE EXTENSION

PHẦN MỀM MỞ RỘNG DIALOCK

Dialock Software Phần mềm Dialock	Delivered on USB stick Lưu trữ trên USB	Delivery via Mail Gửi bằng thư điện tử
8 additional authorisation writers online Thêm 8 thiết bị truy cập trực tuyến	910.52.890	910.52.990
16 additional authorisation writers online Thêm 16 thiết bị truy cập trực tuyến	910.52.891	910.52.991
Installation of software on additional workplace computer (starting from the 21st workplace computer) Cấp thêm phần mềm cài đặt cho máy tính (Bắt đầu cấp thêm từ máy tính thứ 21)	910.52.880	910.52.980
50 additional access points Thêm 50 điểm ra vào	910.52.885	910.52.985
100 additional access points Thêm 100 điểm ra vào	910.52.886	910.52.986
200 additional access points Thêm 200 điểm ra vào	910.52.887	910.52.987
500 additional access points Thêm 500 điểm ra vào	910.52.888	910.52.988
50 additional personnel master records Lưu thêm 50 hồ sơ nhân viên	910.52.881	910.52.981
100 additional personnel master records Lưu thêm 100 hồ sơ nhân viên	910.52.882	910.52.982
200 additional personnel master records Lưu thêm 200 hồ sơ nhân viên	910.52.883	910.52.983
500 additional personnel master records Lưu thêm 500 hồ sơ nhân viên	910.52.884	910.52.984
Packing: 1 piece Đóng gói: 1 cái		

Ordering procedure/ Quy trình đặt hàng

The license will be produced after the information has been checked. First the license file will be sent to the defined authorised person in the project by mail. Then the license key will be sent to the specified fax number, or alternatively, if no fax is available, in exceptional cases the license key can be provided over the telephone.

Chúng tôi sẽ tạo bản quyền sử dụng sau khi đã kiểm tra các thông tin do khách hàng cung cấp. Đầu tiên, hồ sơ bản quyền sẽ được gửi đến người được ủy quyền để nhận hồ sơ bằng bưu điện. Sau đó, chìa khóa bản quyền sẽ được gửi theo số fax đã được cấp, hoặc trong một số trường hợp ngoại lệ khi khách hàng không có máy fax, chìa khóa bản quyền sẽ được cung cấp qua điện thoại.

Supplied with/Sản phẩm bao gồm

Software: Delivered on USB stick
Phần mềm: Được lưu trữ trên USB

> Software SW
Phần mềm SW
> Dialock software manual
Hướng dẫn sử dụng phần mềm Dialock
> Installation and operating instructions for the Dialock door and wall terminals
Hướng dẫn lắp đặt và sử dụng khóa gắn cửa và gắn tường Dialock
> License file (on USB stick)
File cài đặt bản quyền (lưu trữ trên USB)
> License key (on USB stick)
Chìa khóa bản quyền (lưu trữ trên USB)

Software extension: Delivery of the license via mail/fax
Phần mềm mở rộng: Giấy phép bản quyền được gửi đi bằng bưu điện/fax

> License file (via mail)
Hồ sơ bản quyền (bằng bưu điện)
> License key (via fax)
Chìa khóa bản quyền (bằng fax)

Ordering information for receiving license by mail/fax
Thông tin đặt hàng để nhận bản quyền bằng bưu điện/fax

> If the delivery is made by mail/fax it is assumed that the Dialock software is already present in the project.
Nếu bản quyền được gửi đi bằng bưu điện/fax thì phần mềm Dialock được mặc nhiên xem là đã được áp dụng trong dự án của bạn.
> The following information is needed for an order:
Để đặt hàng, bạn cần cung cấp các thông tin sau:
» Project name
Tên dự án
» Project address
Địa chỉ dự án
» Project code from software
Mã số dự án từ phần mềm
» Mail address (for sending license file)
Địa chỉ bưu điện (để nhận hồ sơ bản quyền)
» Fax number (for sending license key)
Số fax (để nhận chìa khóa bản quyền)

Order reference/Hướng dẫn đặt hàng

> Please check your order carefully. Because of the customer-specific configuration of the software, the license cannot be returned.
Vui lòng kiểm tra kỹ đơn hàng. Do phần mềm được thiết lập theo yêu cầu của khách hàng nên bản quyền sử dụng không thể hoàn trả.
> Please keep the USB stick and all licenses in a safe place. It is in your own interest to ensure that these can only be accessed by authorised persons.
Vui lòng bảo quản cẩn thận USB và tất cả bản quyền sử dụng. Vì lợi ích của khách hàng, hãy đảm bảo rằng chỉ những ai được cấp quyền mới được phép tiếp cận các thông tin này.
> The software and the licenses may be copied for the ordered project.
Phần mềm và các bản quyền liên quan có thể được sao chép để sử dụng cho dự án đã đặt hàng.

PROGRAMMING COMPONENTS

CÁC THIẾT BỊ LẬP TRÌNH

ES110 ENCODING STATION

THIẾT BỊ MÃ HÓA THẺ ES110

Area of application/Ứng dụng:

> For programming transponder media
Chương trình ghi thông tin lên thẻ từ

Version/Phiên bản:

> LCD display, background lighting
Màn hình LCD, nền có đèn

Material/Vật liệu:

> Housing: Plastic
Nhựa

Colour/Màu sắc:

> Housing: Silver coloured/grey
Màu bạc/xám

Technical Information / Thông tin kỹ thuật

Voltage supply Nguồn điện	PoE Power over Ethernet with PoE splitter (not supplied) or PS6 external power supply unit Cấp nguồn thông qua Ethernet (PoE) với bộ chia (không đi kèm) hoặc bộ nguồn điện ngoài PS6
Current consumption Điện năng tiêu thụ	max. 300 mA Tối đa 300 mA
Display Màn hình hiển thị	128 x 64 pixels
Connections Kết nối	RJ45 socket for connecting the programming cable to the PC Ổ cắm RJ45 để nối dây cáp (dùng cài đặt chương trình) với máy tính
Data transfer Truyền dữ liệu	between PC and ES 110 via TCP/IP Giữa máy tính và ES 110 thông qua giao thức TCP/IP
Dimensions Kích thước	Length 185 mm, width 130 mm, height 57 mm 185D x 130R x 57C mm

Supplied with/Sản phẩm bao gồm

> 1 ES 110 encoding station
1 thiết bị mã hóa ES 110

> 1 Patch cable Cat 5, 2 m
1 dây nhảy (Patch cord) Cat 5, dài 2 m

> 1 PS6 external power supply unit
1 bộ nguồn điện ngoài PS6

> Short instructions
Hướng dẫn sử dụng (tóm tắt)

Functions/ Chức năng

> The authorisation data that were allocated with the Dialock software are transferred via the TCP/IP network to the ES 110 and written onto the presented transponder medium.
Dữ liệu về quyền ra vào trên phần mềm Dialock được chuyển sang ES 110 thông qua giao thức TCP/IP.

> The system is operated using the Dialock software or the integrated HMS hotel management system.
Hệ thống được vận hành bằng cách sử dụng phần mềm Dialock hoặc hệ thống quản lý khách sạn HMS đã được tích hợp.

> Configuration of the ES 110 is carried out on a PC and its web interface (browser) via the TCP/IP network to the ES 110.
Việc thiết lập ES 110 được thực hiện trên máy tính và giao diện web (trình duyệt web) thông qua giao thức TCP/IP được kết nối với ES 110.

> Planning by Dialock specialist is required. Please ask.
Việc hoạch định phải do chuyên gia Dialock thực hiện. Vui lòng liên hệ Häfele để biết thêm chi tiết.

Technology Công nghệ	Cat. No. Mã sản phẩm
Tag-itTM-ISO, Legic®, Legic® advant and Mifare Classic	917.42.080

MDU 110 MOBILE DATA UNIT

THIẾT BỊ TRUYỀN DỮ LIỆU DI ĐỘNG MDU 110

Area of application/Ứng dụng:

> For transferring data and configurations from the PC (Dialock software) to offline terminals
Truyền dữ liệu và chi tiết cấu hình từ máy tính (phần mềm Dialock) sang các khóa Dialock

Version/Phiên bản:

> LCD display, background lighting, 5 language settings
Màn hình LCD, nền có đèn, hỗ trợ 5 ngôn ngữ

Material/Vật liệu:

> Housing: Plastic
Nhựa

Colour/Màu sắc:

> Housing: Anthracite, similar to RAL 7020
Màu đen Anthracite, tương tự như RAL 7020

Technical Information / Thông tin kỹ thuật

Voltage supply Pin	Lithium-ion battery, charged using USB connection Pin Li-lion, sạc bằng kết nối USB
Service time Thời gian sử dụng	24 h, when operating without background lighting (can be switched off) 24 giờ, khi hoạt động không có đèn nền (có thể tắt đi)
Weight including batteries Trọng lượng bao gồm pin	approx. 400 g khoảng 400g
Display Màn hình hiển thị	128 x 64 pixel, 6 lines/dòng
Connections Kết nối	USB 2.0 interface for connection with the PC USB 2.0 để kết nối với máy tính
Internal data memory Bộ nhớ trong	4 GB, corresponds to approx. 5000 terminal data records 4GB, tương ứng với 5.000 hồ sơ dữ liệu khóa
Security Chế độ bảo mật	Encrypted storage of data and data transfer between MDU 110 and terminals Mã hóa dữ liệu lưu trữ và chuyển qua lại giữa MDU 110 và khóa

Functions/ Chức năng

> Operated by using the “clickwheel” (one-handed operation) on MDU 110.
Thiết bị hoạt động bằng nút xoay và bấm (sử dụng hiệu quả bằng một tay).

> A USB 2.0 interface is used for communication with the PC and recognised by the PC as a mass storage device. Installation of drivers is therefore not necessary.
Kết nối với máy tính bằng cổng USB 2.0, nên không cần cài đặt Driver.

> Data exchange with the terminals takes place via wireless interface. This also applies to firmware updates that may be required.
Việc trao đổi dữ liệu với khóa được thực hiện thông qua kết nối không dây. Phần cứng của thiết bị cũng được cập nhật theo cách thức tương tự.

> Planning by Dialock specialist is required. Please ask.
Việc hoạch định phải do chuyên gia Dialock thực hiện. Vui lòng liên hệ Häfele để biết thêm chi tiết.

Supplied with/Sản phẩm bao gồm

> 1 MDU 110 mobile data unit
1 thiết bị truyền dữ liệu di động MDU 110

> 1 USB 2.0 cable (1.5 m) for connecting MDU 100 with the PC
1 dây cáp USB 2.0 (dài 1,5 m) để kết nối MDU 100 với máy tính

Technology Công nghệ	Technology Công nghệ	Cat. No. Mã sản phẩm
German, English, French, Italian and Spanish Đức, Anh, Pháp, Ý và Tây Ban Nha	Tag-itTM-ISO, Legic® advant and Mifare Classic	917.42.180

KEY CARD

THẺ TỪ DIALOCK

PK Programming key card/ Thẻ thiết lập PK

Area of application/Ứng dụng

> Small projects with few Dialock keys
Dự án nhỏ sử dụng một số thẻ Dialock
Dim./Kích thước: 54 x 85 mm (credit card size/ tương đương thẻ tín dụng)

Functionality/Chức năng

> For allocating access authorisations without software and programming station
Cấp quyền ra vào mà không cần sử dụng phần mềm và thiết bị cài đặt

PK Clearing key card/ Thẻ xóa hủy PK

Area of application/Ứng dụng

> Small projects with few Dialock keys
Dự án nhỏ với số lượng phòng hạn chế
Dim./Kích thước: 54 x 85 mm (credit card size/ tương đương thẻ tín dụng)

Functionality/Chức năng

> For deleting access authorisations without software and programming station
Xóa quyền ra vào mà không cần sử dụng phần mềm và thiết bị cài đặt

Area of application/Ứng dụng

> Key card programming is ideal for projects comprising up to about 20 doors and 20 keys. The advantages thereof are low administrative cost and ease of use.
Việc cài đặt quyền ra vào bằng thẻ thích hợp với các dự án tòa nhà bao gồm tối đa 20 cửa và 20 thẻ, với các ưu điểm là chi phí thấp và dễ sử dụng.

> The authorisation for the door is assigned directly at the respective terminal (DT or WT) using an electronic key (user key) and a programming key card.
Bằng cách sử dụng thẻ thiết lập và chìa khóa điện tử của người dùng, bạn có thể cấp quyền ra vào trực tiếp tại khóa tương ứng (gắn tường hoặc gắn cửa).

> If the authorisation is to be withdrawn, it is deleted using a clearing key card and the relevant electronic keys (user key).
Để hủy bỏ quyền ra vào, bạn sử dụng thẻ xóa hủy và thẻ điện tử của người dùng cần hủy.

> Once Dialock terminals have been configured with software using the MDU, key card programming is no longer possible.
Đối với các khóa Dialock được thiết lập cấu hình bằng phần mềm MDU, không thể cấp hoặc xóa quyền ra vào bằng thẻ.

Product Sản phẩm	Technology Công nghệ	Key Card Thẻ từ	Cat.No Mã sản phẩm
Dialock	PK Programming key card Thẻ thiết lập PK	Mifare Classic	917.64.010
	PK Clearing key card Thẻ xóa hủy PK		917.64.011
	Dialock DT700/ Dialock DT 710 / Dialock DT750		917.64.070 (blank/ trắng)
			917.64.073 (custom printing/ tùy chỉnh in)
Dialock DT - Series	Dialock DT 300 / Dialock DT 15		917.80.739 (blank/ trắng)
			917.80.736 (custom printing/ tùy chỉnh in)

DIALOCK DT 300

> Sophisticated Design
Thiết kế tinh tế, hiện đại

> RFID Technology for greatest convenience
Công nghệ RFID kiểm soát ra vào tiện lợi

> Premium Material
Vật liệu cao cấp

> Universal Mifare Card Application
Sử dụng thẻ Mifare tương thích toàn cầu

Dialock DT 300

Stainless steel matt
Inox mờ

Stainless steel polished
Inox mờ

Brass Matt
Đồng mờ

Brass Polished
Đồng bóng

Champaign Gold, PVD
Vàng Sâm-panh, PVD

Rose Gold, PVD
Vàng hồng, PVD

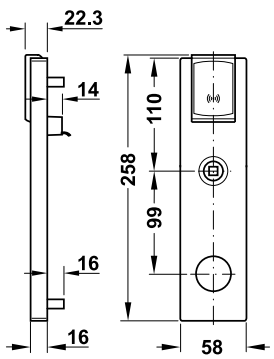

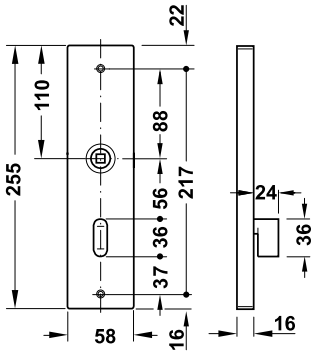

Handle Options/ Kiểu dáng tay nắm

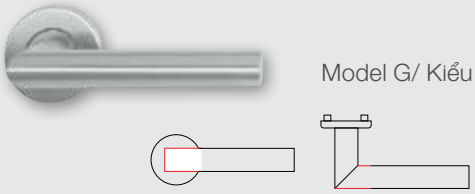

Model G/ Kiểu G

Model J/ Kiểu J

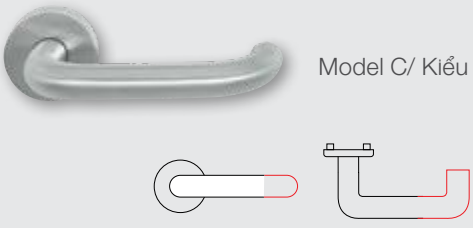

Model C/ Kiểu C

Features/ Tính năng

Touch-free activation by the use of Dialock DT 300 key
Kích hoạt mở khóa dễ dàng bằng thẻ từ DT 300

Battery-powered, intelligent reading-station
Sử dụng pin, đầu đọc thông minh

Real-time clock for logging of all operations
Lưu lại hoạt động sử dụng khóa, kể cả thời gian ra vào

Opening the door from inside at any time without using keys
Có thể mở khóa từ bên trong cửa mà không cần dùng thẻ

Infrared interface in the outer module for programming
Kết nối bằng tia hồng ngoại từ bộ xử lý chương trình bên ngoài

Optional feature enhancements by additional macro-programs
Thêm chức năng nâng cao kết nối vào hệ thống

Optional mechanical emergency opening by cylinder
Thêm chức năng mở khóa bằng chìa

Technology: Mifare
Công nghệ thẻ RFID thông minh

Application: for internal doors (DT)
Áp dụng cho cửa phòng khách sạn

Technical Information / Thông tin kỹ thuật

Ambient temperature (Operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	-20°C to/đến + 65°C
Relative humidity Độ ẩm tương đối	20% to/đến 85%
Service life of battery Tuổi thọ của pin	Continuous openings > 70K Mở liên tục 70,000 lần
Door thickness Độ dày cửa	35-95 mm
Standard Tiêu chuẩn	Main materials: stainless steel Vật liệu chính: thép không rỉ
Voltage supply Pin	Alkaline-manganese battery 1.5 V AA (4 pieces) Pin kiềm (alkaline) 1.5 V AA (4 viên)

Part Bộ phận	Din Hướng mở cửa	Handle Type Kiểu tay nắm	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Front and gear handles Bộ tay nắm cửa trước và sau	DIN Left Mở của trái	J-HANDLE Tay nắm cửa kiểu J	Stainless steel matted/ Inox mờ	917.82.140
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.82.142
			Brass matted/ Đồng mờ	917.82.144
			Brass polished/ Đồng bóng	917.82.146
			Rose gold polished/ Vàng hồng bóng	917.82.148
			Champagne gold polished/ Vàng sâm-panh bóng	917.82.150
	DIN right Mở cửa phải	J-HANDLE Tay nắm cửa kiểu J	Stainless steel matted/ Inox mờ	917.82.141
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.82.143
			Brass matted/ Đồng mờ	917.82.145
			Brass polished/ Đồng bóng	917.82.147
			Rose gold polished/ Vàng hồng bóng	917.82.149
			Champagne gold polished/ Vàng sâm-panh bóng	917.82.151
	DIN Left Mở cửa trái	C-HANDLE Tay nắm cửa kiểu C	Stainless steel matted/ Inox mờ	917.82.120
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.82.122
			Brass matted/ Đồng mờ	917.82.124
			Brass polished/ Đồng bóng	917.82.126
			Rose gold polished/ Vàng hồng bóng	917.82.128
			Champagne gold polished/ Vàng sâm-panh bóng	917.82.130
	DIN right Mở cửa phải	C-HANDLE Tay nắm cửa kiểu C	Stainless steel matted/ Inox mờ	917.82.121
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.82.123
			Brass matted/ Đồng mờ	917.82.125
			Brass polished/ đồng bóng	917.82.127
			Rose gold polished/ Vàng hồng bóng	917.82.129
			Champagne gold polished/ Vàng sâm-panh bóng	917.82.131
	DIN left Mở cửa trái	G-HANDLE Tay nắm cửa kiểu G	Stainless steel matted/ Inox mờ	917.82.100
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.82.102
			Brass matted/ Đồng mờ	917.82.104
			Brass polished/ Đồng bóng	917.82.106
			Rose gold polished/ Vàng hồng bóng	917.82.108
			Champagne gold polished/ Vàng sâm-panh bóng	917.82.110
	DIN right Mở cửa phải	G-HANDLE Tay nắm cửa kiểu G	Stainless steel matted/ Inox mờ	917.82.101
			Stainless steel polished/ Inox bóng	917.82.103
			Brass matted/ Đồng mờ	917.82.105
			Brass polished/ Đồng bóng	917.82.107
			Rose gold polished/ Vàng hồng bóng	917.82.109
			Champagne gold polished/ Vàng sâm-panh bóng	917.82.111

* Front and rear module mifare technology V2, for door thickness 35-80mm

Material: SS304

* Bộ tay nắm trước và sau mifare thế hệ thứ 2, cho độ dày cửa 35-80 mm

Vật liệu: Inox 304

Mortise lock Thân khóa	Din Hướng mở cửa	Description Mô tả	Door thickness Độ dày cửa	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Mortise for INWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng vào trong	Din left Mở cửa trái	Motorized mortise lock din stainless steel 60/72/22/8, stainless steel striking plate, 170x35x2mm Thân khóa DIN 60/72/22/8, kèm bas thân khóa, 170x35x2mm	35-80 mm	Stainless steel matted Inox mờ	917.82.170
	Din right Mở cửa phải	Motorized mortise lock din stainless steel 60/72/22/8, stainless steel striking plate, 170x37mm Thân khóa DIN 60/72/22/8, kèm bas thân khóa, 170x37 mm			917.82.171
Mortise for OUTWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng ra ngoài	Din left Mở cửa trái	Motorized mortise lock din stainless steel 60/72/22/8, stainless steel striking plate, 170x35x2mm Thân khóa DIN 60/72/22/8, kèm bas thân khóa, 170x35x2mm			917.82.172
	Din right Mở cửa phải	Motorized mortise lock din stainless steel 60/72/22/8, stainless steel striking plate, 170x35x2mm Thân khóa DIN 60/72/22/8, kèm bas thân khóa, 170x35x2 mm			917.82.173

Mounting Bag Bộ ốc vít	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Mounting bag m5x50, door thickness 32-41mm Bộ ốc vít m5x50 cho độ dày cửa 32-41 mm	Stainless steel matted Inox mờ	917.82.181
Mounting bag m5x60, door thickness 42-51mm Bộ ốc vít m5x60 cho độ dày cửa 42-51 mm		917.82.182
Mounting bag m5x70, door thickness 52-61mm Bộ ốc vít m5x70 cho độ dày cửa 52-61 mm		917.82.183
Mounting bag m5x80, door thickness 62-71mm Bộ ốc vít m5x80 cho độ dày cửa 62-71 mm		917.82.184
Mounting bag m5x90, door thickness 72-81mm Bộ ốc vít m5x90 cho độ dày cửa 72-81 mm		917.82.185

DIALOCK DT 15

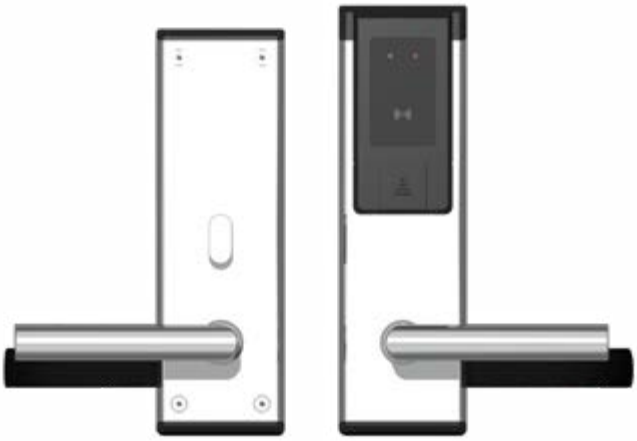

> Modern Design
Thiết kế hiện đại

> RFID Technology for greatest convenience
Công nghệ RFID kiểm soát ra vào tiện lợi

> Universal Mifare card application
Sử dụng thẻ Mifare tương thích toàn cầu

> Competitive price
Giá cả cạnh tranh

Dialock DT 15

Stainless steel matt
Inox mờ

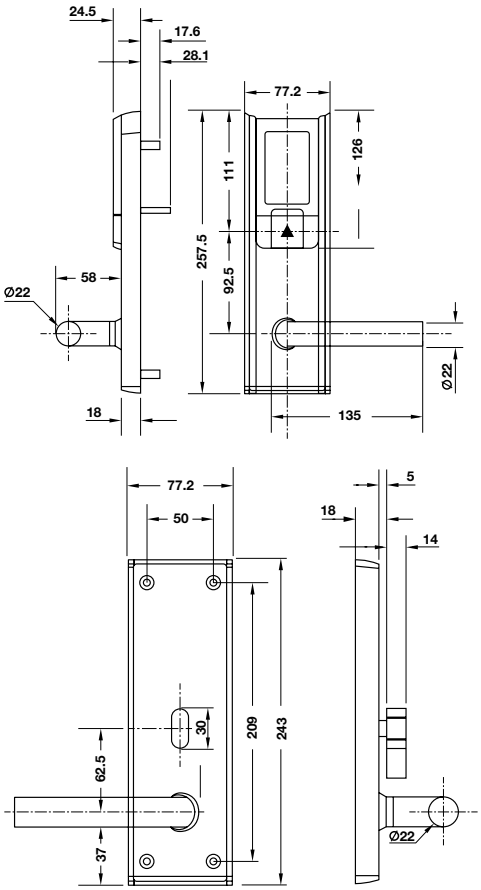

Handle Options/ Kiểu dáng tay nắm

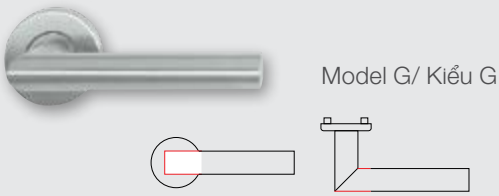

Model G/ Kiểu G

Technical Information / Thông tin kỹ thuật

Ambient temperature (operation) Nhiệt độ môi trường (khi hoạt động)	0°C ~ + 55°C
Relative humidity Độ ẩm tương đối	0 ~ 95% (not condensed/không ngưng tụ)
Service life of battery Tuổi thọ pin	Approx. 2 years or 35,000 locking and unlocking processes Khoảng 2 năm, hoặc 35.000 chu trình khóa và mở khóa
Standard door thicknesses Độ dày của cửa	35 ~ 80 mm
System and Software Hệ thống và phần mềm	Support software for single user, for network and for universal interface Phần mềm hỗ trợ cho một người dùng hoặc toàn bộ hệ thống

Features/ Tính năng

Battery operated, touch-free activation with electronic key
Sử dụng bằng pin, kích hoạt mở khóa không chạm cửa bằng thẻ từ

Toggled key: Unlocking and locking with mechanical key
Tích hợp chức năng khóa và mở khóa bằng chìa cơ

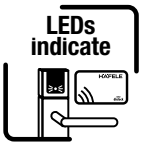

Red/blue LEDs for indication of locking and unlocking
Đèn LED đỏ/xanh để báo hiệu việc khóa và mở khóa

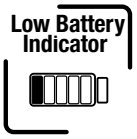

For service personnel keys: Indication when battery change is required
Chức năng cảnh báo pin yếu

Integrated clock for registering audit trail of all processes
Ghi nhận thời gian và lưu trữ mọi hoạt động của khóa

NFC interface in external module for programming and audit trail collection
Với các khóa tay nắm quay bên ngoài, giao diện NFC dùng cho thao tác thiết lập và lưu trữ

Opening the door from the inside without a key
Cửa luôn có thể mở từ bên trong mà không cần chìa

Working mode change or customized locking function by means of firmware cards
Thay đổi thiết lập chương trình hoặc tùy chỉnh chức năng khóa bằng thẻ Master

Standard key: Unlocking with valid electronic key and automatic locking after 5 seconds
Mở khóa bằng thẻ từ và tự động khóa sau 5 giây đóng cửa

For an optional mechanical emergency opening a round cylinder must be used
Để mở khóa trong trường hợp khẩn cấp, cần sử dụng một ruột khóa tròn (tùy ý)

Part Bộ phận	INWARDS/OUTWARDS opening doors Cửa mở hướng trong/ngoài	Din Hướng mở cửa	Finish Màu hoàn thiện	Cat.No Mã sản phẩm
Dialock DT 15 complete set for keyed alike (KA), G - handle Bộ tay nắm cửa hoàn chỉnh cho các khóa KA, kiểu G	Mortise for OUTWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng ra ngoài	DIN Left Mở cửa trái	Stainless steel matted Inox mờ	917.82.302
		DIN Right Mở cửa phải		917.82.303
	Mortise for INWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng vào trong	DIN Left Mở cửa trái		917.82.300
		DIN Right Mở cửa phải		917.82.301
Dialock DT 15 complete set for keyed different (KD), G - handle Bộ tay nắm cửa hoàn chỉnh cho các khóa KD, kiểu G	Mortise for OUTWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng ra ngoài	DIN Left Mở cửa trái		917.82.307
		DIN Right Mở cửa phải		917.82.308
	Mortise for INWARDS opening doors Thân khóa cho cửa mở hướng vào trong	DIN Left Mở cửa trái		917.82.305
		DIN Right Mở cửa phải		917.82.306

KA : Keyed Alike normally refers to a group of locks that operate from the same key
KD : Each lock is opened by its own unique key that does not open any other lock in the set.

KA : Nhiều ổ khóa khác nhau hay ruột khóa khác nhau có thể dùng chung chìa
KD : Mỗi khóa có chìa riêng và chìa không thể mở các ổ khóa khác

OTHER SYSTEM COMPONENTS

CÁC THÀNH PHẦN KHÁC CỦA HỆ THỐNG

EC200 CONTROLLER FOR ELEVATOR ACCESS CONTROL

BỘ ĐIỀU KHIỂN THANG MÁY EC200

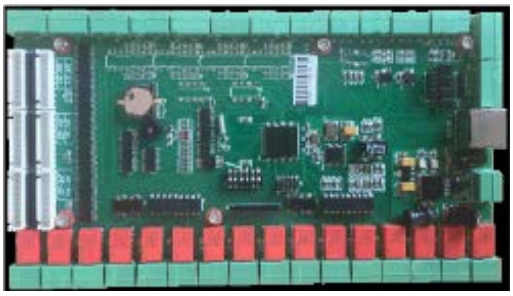

Features and Specifications/Tính năng & Thông số

> Based on TCP/IP communication
Kết nối dựa trên giao thức TCP/IP
> 2 RS485 reader interface
2 cổng đọc RS485
> 1 RS232 optional
1 cổng đọc RS232 tùy chọn
> 6 extension ports for relay board ECX200
6 cổng mở rộng cho module relay ECX200
> Max. users: 25,000
Số lượng người dùng tối đa: 25.000
> Max. events records: 100,000
Số lượng hồ sơ lưu trữ tối đa: 100.000
> Support 16 groups, 8 time zones and weekdays
Hỗ trợ thiết lập 16 nhóm, 8 vùng thời gian khác nhau và các ngày trong tuần
> Support holiday time zones
Hỗ trợ thiết lập vùng thời gian nghỉ lễ
> Power supply: 12 VDC/VAC
Nguồn điện: 12 VDC/VAC

Product Sản phẩm	Description Mô tả	Cat.No Mã sản phẩm
EC200 controller for lift Bộ điều khiển thang máy EC200	Access control EC200 for max. 64 Floors TCP/IP communication port 16 output relays onboard support 4 RS485 readers and 2 wiegand readers (EC200-T16) Bộ điều khiển EC200 cho 64 thang máy	917.82.191
	Relay board RD8 for EC16 Bảng mạch mở rộng	917.82.192

Packaging: 1 set/ Đóng gói 1 bộ

AC200 CONTROLLER FOR DOOR ACCESS CONTROL

BỘ ĐIỀU KHIỂN AC200 KẾT HỢP KHÓA ĐIỆN

Features and Specifications/Tính năng & Thông số

- > Based on TCP/IP communication
  Kết nối dựa trên giao thức TCP/IP
- > 1 RS485 reader interface and max. 4 RS485 readers extendable
  1 cổng đọc RS485, có thể mở rộng tối đa 4 cổng
- > 2 wiegand reader interface (W26/34/66)
  2 cổng đọc wiegand (W26/34/66)
- > 1 RS232 optional/1 cổng RS232 tùy ý
- > 8 TTL signl inputs/8 cổng vào TTL
- > 4 relay outputs/ 4 cổng ra relay
- > Max. users: 25,000
  Số lượng người dùng tối đa: 25.000
- > Max. events records: 100,000
  Số lượng hồ sơ lưu trữ hoạt động tối đa: 100.000
- > Support 16 groups, 8 time zones and weekdays
  Hỗ trợ thiết lập 16 nhóm, 8 vùng thời gian khác nhau và các ngày trong tuần
- > Support holiday time zones
  Hỗ trợ thiết lập vùng thời gian nghỉ lễ
- > Remote control/ Điều khiển từ xa
- > Power supply: 12 VDC/VAC
  Nguồn điện: 12 VDC/VAC

Product Sản phẩm	Description Mô tả	Cat.No Mã sản phẩm
AC200 controller Bộ điều khiển cửa AC200	Access control AC200 for max. 4-Doors TCP/IP communication port 4 output relays support 4 RS485 readers, 2 wiegand readers, 4 push button, 4 door contact (AC200-T4S) Bộ điều khiển AC200 cho tối đa 4 cửa	917.82.190
Packaging: 1 set/ Đóng gói 1 bộ		

WALL CARD READER

ĐẦU ĐỌC THẺ TỪ GẮN TƯỜNG

Features and Specifications/Tính năng & Thông số

> Mifare technology, 13.56 MHz
Công nghệ Mifare, 13.56 MHz
> Built-in RFID R/W module and antenna
Module & ăng ten R/W RIFD lắp trong
> Reading range: 0-40mm
Khoảng cách đọc: 0-40 mm
> Induction speed: <=0.1s/ Tốc độ cảm ứng <=0,1s
> Indicator light: 3 color LED (red-green-yellow)
Đèn báo hiệu: đèn LED 3 màu (đỏ, xanh, vàng)
> RS485 interface/ Giao diện RS485
> Power supply: 9-12VDC, 50mA
Nguồn điện: 9-12 VDC, 50 mA
> Working Temperature: 0°C ~ + 60°C
Nhiệt độ hoạt động: 0°C ~ + 60°C
> Storage Temperature: -40°C ~ +60°C
Nhiệt độ lưu trữ: -40°C ~ +60°C
> Dimension/Kích thước: 86 x 86 x 22 mm
> Connection cable: 4xRVVP 2.5, L = 1.5m
Dây cáp kết nối: 4 dây RVVP 2.5, dài 1,5 m

Description Mô tả	Art.No Mã sản phẩm
RFID reader RD600-485 RFID Mifare/ Đầu đọc thẻ RD600-485	917.82.193
RFID reader RD100-485 RFID Mifare/ Đầu đọc thẻ RD100-485	917.82.194
RFID reader RD328-485 RFID Mifare/ Đầu đọc thẻ RD328-485	917.82.195
Packaging: 1 set/ Đóng gói 1 bộ	

ENCODING STATION

THIẾT BỊ MÃ HÓA THẺ

Features/Tính năng

> The encoding station is a read/write device for the key cards. It has an USB interface to connect to PC.

Thiết bị mã hóa thẻ là thiết bị đọc/viết dành cho thẻ từ. Thiết bị có giao diện USB để nối kết với máy tính.

Description Mô tả	Art.No Mã sản phẩm
Encoding station ES-500 Mifare Technology/ Thiết bị mã hóa thẻ ES-500	917.80.503
Encoding Station Pyramid Mifare Technology/ Thiết bị mã hóa thẻ Pyramid	917.80.500
Packaging: 1 set/ Đóng gói 1 bộ	

MOBILE DATA UNIT (MDU)

THIẾT BỊ TRUYỀN DỮ LIỆU DI ĐỘNG

Features/Tính năng

> The portable data device is used to transfer data between Door Lock Terminal and PC. It has Infrared and RF interfaces with a LCD display and key board.

Thiết bị truyền dữ liệu di động được dùng để chuyển dữ liệu giữa khóa cửa điện tử và máy tính. Thiết bị có giao diện hồng ngoại và RF cùng với màn hình LCD và bàn phím điều khiển.

Product Sản phẩm	Description Mô tả	Unit Đơn vị	Art.No Mã sản phẩm
Portable data device Thiết bị truyền dữ liệu di động	Portable Data Station Mifare technology, LCD NFC interface and IR interface Door lock setting collection of audits trails Thiết bị truyền dữ liệu di động, giao diện LCD cho NFC và IR - Lưu trữ các hoạt động của khóa	Pc/ cái	917.80.521

ENERGY - SAVING CONTROL

THIẾT BỊ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Description Mô tả	Art.No Mã sản phẩm
Energy Saving Control, Mifare, White, 220VAC, 50/60 Hz, 30A Thiết bị tiết kiệm năng lượng, màu trắng, 220VAC, 50/60 Hz, 30A	917.56.917
Energy Saving Control, Mifare, Silver, 220VAC, 50/60 Hz, 30A Thiết bị tiết kiệm năng lượng, màu bạc, 220VAC, 50/60 Hz, 30A	917.56.919
Packaging: 1 set/ Đóng gói 1 bộ	

SOFTWARE

PHẦN MỀM

Features/Tính năng

> Singe PC Edition is for single key issuing point
Phiên bản dành cho một máy tính

> Network Edition is for more than 1 key issuing point
Phiên bản Mạng lưới khi cần hơn 1 điểm phát hành thẻ

> Fidelio Interface Edition is specified for PMS Micros-Fidelio and the guest keys are issued from PMS in normal way.
Phiên bản tương thích giao thức Fidelio dành riêng cho hệ thống quản lý Micros-Fidelio và chìa khóa cho khách được phát hành bằng hệ thống quản lý như thông thường.

> Universal Interface Edition is for the PMS which can follow our interface protocol for Universal Interface Software to specify PMS to be connected from DT 300.
Phiên bản tương thích giao thức Universal dành cho hệ thống quản lý có thể áp dụng phương thức giao diện của Phần mềm giao thức Universal để xác định hệ thống quản lý kết nối từ DT 300.

Description Mô tả	Art.No Mã sản phẩm
Hotel System for Single PC with an authorization card, English Hệ thống khách sạn cho 1 PC với 1 thẻ ủy quyền, tiếng Anh	917.80.600
Hotel System for Network with an authorization card, English Hệ thống khách sạn dành cho nối mạng với 1 thẻ ủy quyền, tiếng Anh	917.80.601
Hotel Fidelio Interface with an authorization card, English Giao diện Fidelio với 1 thẻ ủy quyền, tiếng Anh	917.80.602
Hotel Universal Interface with an authorization card, English Giao diện quốc tế với 1 thẻ ủy quyền, tiếng Anh	917.80.603
Packaging: 1 set/ Đóng gói 1 bộ	

HÄFELE-IGLOOHOME

Igloohome ED4900-TB

Igloohome EK5500-TB (Keybox)

Igloohome EL8500-TCB

Product Sản phẩm	Description Mô tả	Cat. No. Mã sản phẩm
Igloohome EL8500-TCB	Igloohome mortise lock black	912.05.384
Igloohome ED4900-TB	Igloohome deadbolt lock black	912.05.380
Igloohome EK5500-TB	Igloohome keybox lock black	912.05.381

Convenience of keyless access
Ra vào không cần chìa khóa

> No more hassle of locating forgotten keys and replacing missing ones. No more frustration of accidental lock-outs.
> Không còn phiền toái khi bị khóa trái cửa, quên chìa khóa, đánh chìa mới khi xảy ra sự cố hoặc mò mẫm thử từng chìa khóa để vào nhà.

Multiple entry modes
Đa chế độ truy cập

> Unlock with a PIN code, or a Bluetooth key on your smart phone. Different modes of entry are available for flexible access. The physical key is still available as a back-up.
> Mở khóa với mã PIN, hoặc Bluetooth trên điện thoại thông minh. Nhiều chức năng được tích hợp cho nhiều phương thức mở khóa. Trang bị thêm chìa khóa cơ.

Works offline
Hoạt động ngoại tuyến

> Igloohome lock works with innovative technology Involving encryption and synchronisation.
> Khóa igloohome hoạt động với công nghệ mã hóa và đồng bộ tiên tiến, không cần kết nối mạng nhằm tránh mất cắp mật khẩu.

Mobile app-enabled
Hoạt động qua ứng dụng điện thoại thông minh

> Create PIN code and Bluetooth key on mobile and set the virtual keys' valid period for more security
> Tạo mã PIN và chìa khóa Bluetooth trên ứng dụng điện thoại; cài đặt thời gian sử dụng khóa để tăng cường an ninh

View access logs
Truy cập nhật kí khóa/ mở khóa

> Track the dates and times your visitors use Bluetooth keys to enter your home. Better control of access brings you greater peace of mind.
> Theo dõi được ngày và số lần ra vào của khách viếng thăm khi họ sử dụng mã Bluetooth để mở khóa. Kiểm soát ra vào tốt hơn giúp bạn an tâm hơn.

Optional services/ Dịch vụ

> Airbnb hosts can synchronize their listing calendars with their igloohome account so that PIN codes are automatically created for guests.
> Chủ nhà Airbnb có thể đồng bộ hóa lịch biểu của họ với tài khoản igloohome để mã PIN được tạo tự động cho khách.

Features/ Tính năng

Security Lockout Mode
If an invalid PIN code is entered 5 times, the lock will stop operating for 1 minute.
Chế độ khóa an ninh
Nếu nhập mã PIN không hợp lệ 5 lần, khóa sẽ ngừng hoạt động trong 1 phút.

Decoy Security Code
Enter random digits before and after your password to reduce risk of intruders checking fingerprints.
Mã an ninh chống kẻ xâm nhập
Nhập các số ngẫu nhiên trước mật khẩu để giảm nguy cơ có kẻ xâm nhập đang kiểm tra dấu vân tay.

Anti-Panic Exit System
Allows you to open the door by simply pulling down on the lock handle from inside, without twisting a separate thumbturn.
Hệ thống thoát hiểm
Cho phép bạn mở cửa đơn giản bằng cách kéo chốt khóa từ bên trong.

Electro Static Discharge (ESD) Prevention
The circuit board is protected from the damages incurred from a high voltage surge.
Phòng ngừa rò rỉ điện (ESD)
Các bảng mạch được bảo vệ khi điện áp tăng cao.

Low Battery Warning
A beep sound and red flashing keypad indicates when battery power runs slow.
Cảnh báo pin yếu
Một tiếng bíp và phím màu đỏ nhấp nháy khi pin yếu.

Emergency Power Supply
When lock batteries are flat, an external DC9V battery can be used to jump-start the lock.
Cấp điện khẩn cấp
Khi pin của bị cạn, một pin DC9V được sử dụng để khởi động khóa.

igloohome

Official Partner of airbnb

Technical Information / Thông tin kỹ thuật	
Door compatibility Khả năng tương thích cửa	> Door thickness 38mm to 50mm Độ dày cửa từ 38 mm đến 50 mm > Clearance from door edge >105mm Đố cửa > 105 mm > Type of door Wooden (right/left-hand compatible) Loại cửa gỗ (tương thích cửa mở trái/phải)
Dimensions Kích thước	> Outer body (facing outside) 60 x 142 x 30 (mm) Mặt khóa ngoài 60 x 132 x 30 (mm) > Inner body (facing inside) 65 x 160 x 50 (mm) Mặt khóa trong 65 x 160 x 50 (mm) > Weight 1.5kg Trọng lượng 1.5 kg
Material Chất liệu	> Outer body Zn, ABS Mặt khóa ngoài: Kẽm, nhựa ABS > Inner body Zn, ABS Mặt khóa trong: Kẽm, nhựa ABS
Operation Vận hành	> Modes of access PIN code, bluetooth key, physical key > Chế độ truy cập bằng mã PIN, thẻ chìa khóa Blue-tooth, chìa khóa cơ > Colour Brushed black > Màu đen nhám > Operation temperature 0° ~ 50° > Nhiệt độ hoạt động 0° ~ 50° > Power 4 AA batteries (lasts up to 9 months) > Nguồn điện sử dụng: 4 pin AA (kéo dài đến 9 tháng) > Emergency power DC9V Battery (not included) > Nguồn điện dự phòng: Pin DC9V (không bao gồm) > Warranty 1 year on mechanical and electronic defects > Bảo hành 1 năm cho phần máy và phần điện.

SOFTWARE

PHẦN MỀM

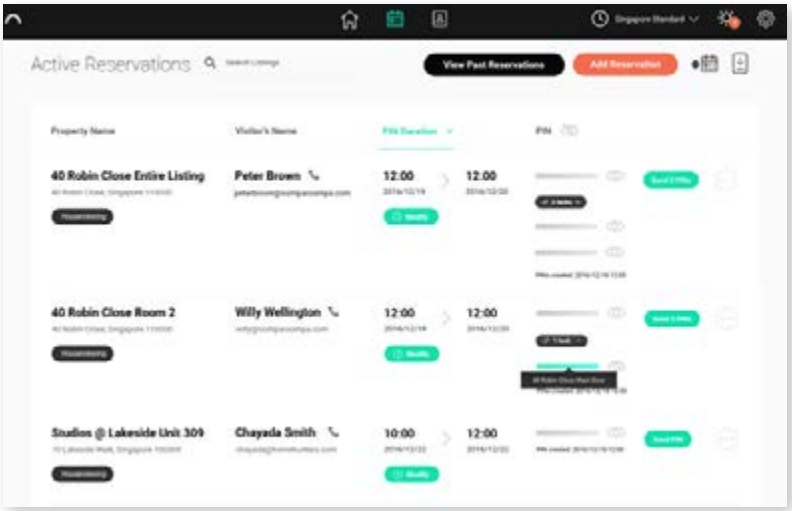

> Property Listings (same listing in mobile app)
> Reservation Creation To issue duration PIN code
> Upcoming Reservations View
> Contacts Address Book
> Export as .CSV
> Available for API/SPK Integration*

> Danh sách các địa điểm cần quản lý
> Hỗ trợ Danh sách địa chỉ liên lạc
> Có thể tích hợp với API/SPK
> Xuất file CSV

*API/SDK Licensing Agreement will be sign off upon providing API/SPK integration
* Thỏa thuận cấp phép API/SDK sẽ được ký kết khi tích hợp API/SPK

OTHER HOTEL ACCESSORIES

CÁC PHỤ KIỆN KHÁC DÙNG CHO KHÁCH SẠN

HÄFELE SAFE KÉT SẮT

836.26.391

Home Safe

> Basic security with 1.5mm steel wall & 4mm steel door
> Handle operation mechanism
> Solenoid lock system
> Key pad with led light indicator
> Opening with combination of 3-6digits
> Mechanical override key
> Carpet for floor
> Bolts to floor or wall

Két sắt cho nhà ở

> Vỏ bao dày 1,5mm, cửa dày 4mm
> Vận hành bằng tay nắm
> Hệ thống khóa cuộn cảm từ
> Bàn phím cơ với đèn led
> Mã số mở từ 3-6 số
> Chìa cơ mở khẩn cấp
> Kèm theo thảm lót bên trong
> Vít bắt tường hoặc gắn sàn

836.26.330

Hotel Safe

> Strong security with 2mm steel wall & 6mm steel door
> Automatically opening driven by micro-motor
> Motorized lock system
> Key pad with blue LED display and backlight button.
> Opening with combination of 3-6 digits (guest/ administrator)
> Wrongly input code by 3 times, will hold on 5 minutes
> Data tracking function to track the opening record
> Mechanical override key
> Carpet for floor
> Bolts to floor or wall

Két sắt cho khách sạn

> Vỏ bao dày 2 mm & cửa dày 6 mm
> Mở cửa tự động bằng động cơ nhỏ
> Hệ thống khóa cơ
> Bàn phím cơ với đèn LED xanh
> Mã số mở từ 3-6 số (khách/ quản lý)
> Nhập mã sai 3 lần, thời gian chờ 5 phút
> Chức năng lưu thông tin mở két
> Chìa cơ mở khẩn cấp
> Kèm theo thảm lót bên trong
> Vít bắt tường hoặc gắn sàn

HÄFELE ESPRESSO MACHINE MÁY PHA CÀ PHÊ

535.43.016

Häfele-HE-BM016

> 2 Automatic coffee function
> Design from Italy
> LED light
> Black color, matt finishing
> Mechanical controls
> Pump: ULKA Italy 19 bar
> Tank capacity: 0.8 litres
> Capsule tray: 10-12
> Connection rating: 1360 W
> Voltage: 220-240V
> Dimensions of product: 160W x 270D x 320H mm

> Máy pha coffee với 2 chế
> độ tự động
> Kiểu dáng thiết kế từ Italy
> Đèn LED
> Màu đen
> Điều khiển bằng nút
> Loại bơm: ULKA Italy 19 bar
> Két nước: 0,8 lít
> Khay chứa bã: 10-12 viên
> Công suất tiêu thụ: 1360 W
> Hiệu điện thế: 220-240V
> Kích thước sản phẩm:
> 160R x 270S x 320C mm

HÄFELE MINI BAR TỦ LẠNH

40L 536.14.010
30L 536.14.000

Häfele - HF-M40S · 30/40 litre

> Area of application: Free standing or built-in
> Gross capacity: 30/40 litres
> Solid door, black color
> With interior LED lighting
> Absorption refrigeration
> Automatic defrost
> Fridge door shelf for 1.5 liter bottle
>

Technical information

> Power consumption: 0.843 kWh/24 h
> Voltage: 220-240V
> Power frequency: 50-60 Hz
> Wattage: 60-75 W
> Weight: 14.5 kg
> Appliance dimensions: 441W x 457D x 566H mm

> Có thể lắp độc lập hoặc âm tủ
> Tổng dung tích: 30/40 lít
> Cửa thường, màu đen
> Hệ thống chiếu sáng bên trong với đèn LED
> Hệ thống làm lạnh không rỉ nước
> Không đóng tuyết bên trong
> Kệ trên cửa có thể đặt được chai loại 1,5 lít.

Thông tin kĩ thuật

> Mức tiêu thụ điện: 0,843 kWh / 24 h
> Hiệu điện thế: 220 - 240 V
> Tần số: 50 - 60 Hz
> Công suất: 60 - 75 W
> Cân nặng: 14,5 kg
> Kích thước sản phẩm: 441R x 457S x 566C mm

538.11.500

Häfele-HE-BM016

> Gross capacity: 42 L
> Glass door, Efficiency A
> Plastic shelves, adjustable shelves
> Temperature range:6.5-15°C
> Votage: 220-240 V
> Frequency: 50-60 Hz
> Power consumption: 50 W
> Noise level: 30 dB
> Dimension: 400Wx420Dx570H mm

> Tổng dung tích: 42 L
> Cửa kính, Tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng A
> Kệ bằng nhựa có thể điều chỉnh
> Nhiệt độ: 6.5-15°C
> Hiệu điện thế: 220-240 V
> Tần số: 50-60 Hz
> Công suất: 50 W
> Độ ồn: 30 dB
> Kích thước: 400Rx420Sx570C mm

40L 536.14.011
30L 536.14.001

Häfele - HF-M40G · 30/40 litres

> Area of application: Free standing or built-in
> Gross capacity: 30/40 litres
> Glass door
> With interior LED lighting
> Absorption refrigeration
> Automatic defrost

Technical information

> Power consumption: 0.843 kWh/24 h
> Voltage: 220-240V
> Power frequency: 50-60 Hz
> Wattage: 60-75 W
> Weight: 14.5 kg
> Appliance dimensions: 441W x 457D x 566H mm

Häfele - HF-M40G 30/40 lít

> Có thể lắp độc lập hoặc âm tủ
> Tổng dung tích: 30/40 lít
> Cửa kính
> Hệ thống chiếu sáng bên trong với đèn LED
> Hệ thống làm lạnh không rỉ nước
> Không đóng tuyết bên trong

Thông tin kĩ thuật

> Mức tiêu thụ điện: 0,843 kWh/ 24h
> Hiệu điện thế: 220 - 240V
> Tần số: 50 - 60Hz
> Công suất: 60 - 75W
> Cân nặng: 14,5kg
> Kích thước sản phẩm: 441R x 457S x 566Cmm

ACCESSORIES PHỤ KIỆN

Cloth line
> Cloth line 2.2m stainless steel wire
> Chrome polished

> Dây treo quần áo 2.2m bằng inox
> Mạ chrome sáng bóng

580.45.090

Tissue Box Rectangular
> Tissue holder free standing,
> Chrome plated ABS

> Hộp đựng khăn giấy hình chữ nhật
> Nhựa cao cấp ABS mạ chrome bóng

980.21.172

Protection rail for luggage
> Material: Zinc alloy
> Dimensions: W13 x H7 mm
450 mm or 600 mm
> Stainless steel coloured

Thanh để hành lý
> Vật liệu: Hợp kim kẽm
> Kích thước: R13 x C17 mm 450mm hoặc 600mm
> Màu inox

808.90.090

Waste bin 5L Round
> Pedal bin 5L, polished stainless steel

Thùng đựng rác tròn 5L
> Vật liệu thép không gỉ

580.82.110

THE MULTI-DIMENSIONAL MIRROR.
KÍNH ĐA CHỨC NĂNG.

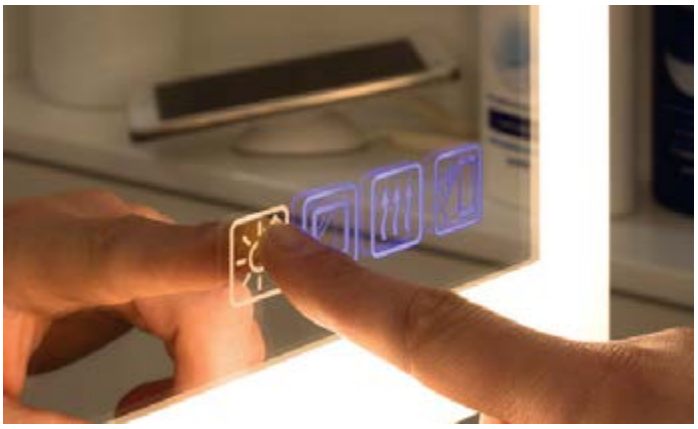

900x600mm

600x900mm

Art no. 983.19.010

900x900mm

Art no. 983.19.020

900x1200mm

1200x900mm

Art no. 983.19.030

LOOX LED

> Light Color: Cool white
> Finish Color: Chrome plated

Supplied with

> Loox Adapter 12V, 27W
> Mains leads 12V, 4m with 2 slots

> Màu ánh sáng: Trắng lạnh
> Màu hoàn thiện: Màu crom

Phụ kiện đi kèm

> Nguồn điện 12V, 27W hệ Modular
> Dây nối hệ 12V, 4m với 2 đầu cắm

833.71.423

> Light Color: Cool white
> Finish Color: Chrome plated

Supplied with

> Loox Adapter 12V, 27W
> Mains leads 12V, 4m with 2 slots

> Màu ánh sáng: Trắng lạnh
> Màu hoàn thiện: Màu đen

Phụ kiện đi kèm

> Nguồn điện 12V, 27W hệ Modular
> Dây nối hệ 12V, 4m với 2 đầu cắm

833.71.696

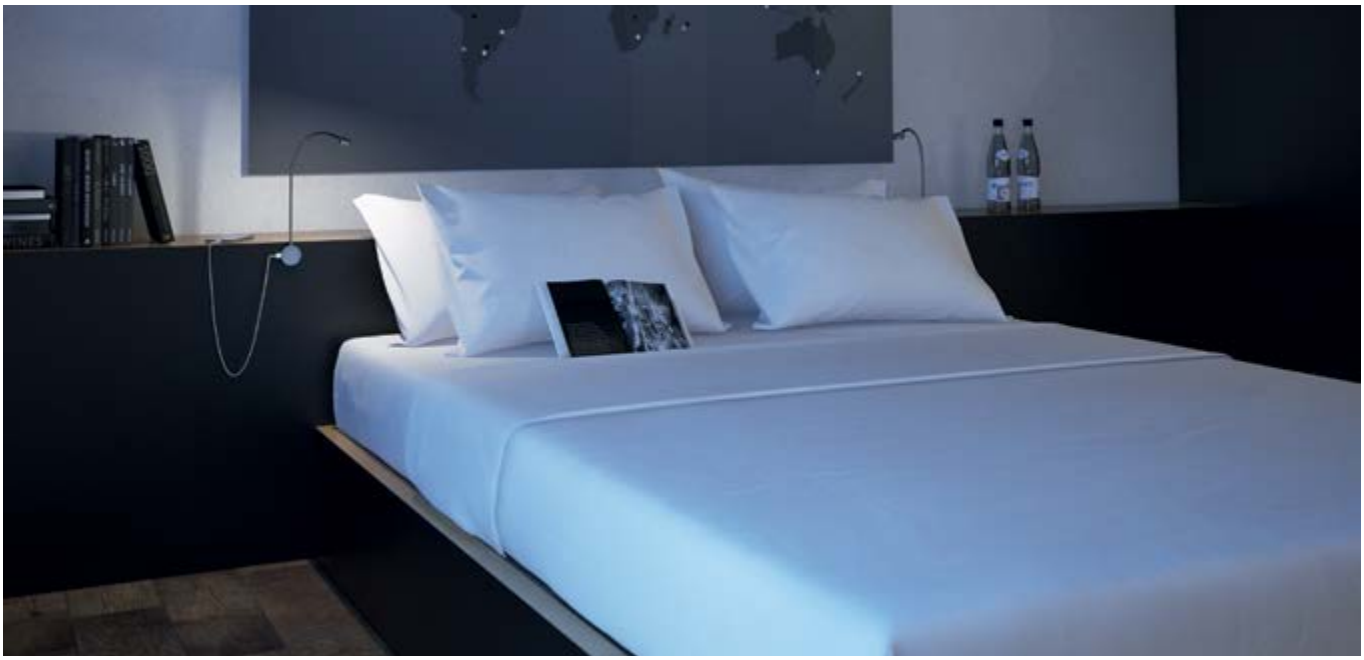

HÄFELE

www.hafele.com.vn

Häfele Vietnam LLC.
Lầu 3, Tòa nhà Ree
Số 9 Đường Đoàn Văn Bơ,
Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Phone: (+84 28) 39 113 113
Email: info@hafele.com.vn

Management System ISO 9001:2008
TÜVRheinland CERTIFIED
www.tuv.com ID 9105061177

206.317.1105 - December 2017